



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM | VIETNAM NATIONAL OIL AND GAS GROUP

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

**PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION (PVC)**

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



[www.pvc.vn](http://www.pvc.vn)

LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN [3]

GIỚI THIỆU [4 -6]

LĨNH VỰC KINH DOANH [7]

BÁO CÁO TỔNG KẾT SXKD 2015  
VÀ KẾ HOẠCH 2016 [8 -19]

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2015  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN [20-81]



## LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

**08/1983**

Chủ tịch HĐBT cho phép Tổng cục Dầu khí thành lập Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí.

**14/09/1983**

Tổng cục Dầu khí đã quyết định thành lập Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí.

**19/09/1995**

Xí nghiệp Liên hợp Xây lắp Dầu khí đổi tên thành Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí.

**17/03/2005**

Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí thành Công ty CP Xây lắp Dầu khí.

**26/10/2007**

Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam thông qua Đề án chuyển đổi Công ty CP Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

**21/11/2007**

Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty CP Xây lắp Dầu khí.

**27/6/2008**

Đại hội cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 1.500 tỷ đồng

**16/5/2009**

Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) thông qua Kế hoạch niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Chiến lược phát triển đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.

**19/8/2009**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam thực hiện Niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**20/01/2010**

Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

**7/1/2011**

Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam vinh dự được Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động theo Quyết định số 15/QĐ-CTN ngày 07 tháng 01 năm 2011 do Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam Nguyễn Minh Triết ký.

**23/3/2012**

Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam tăng vốn điều lệ thành công lên 4.000 tỷ đồng.

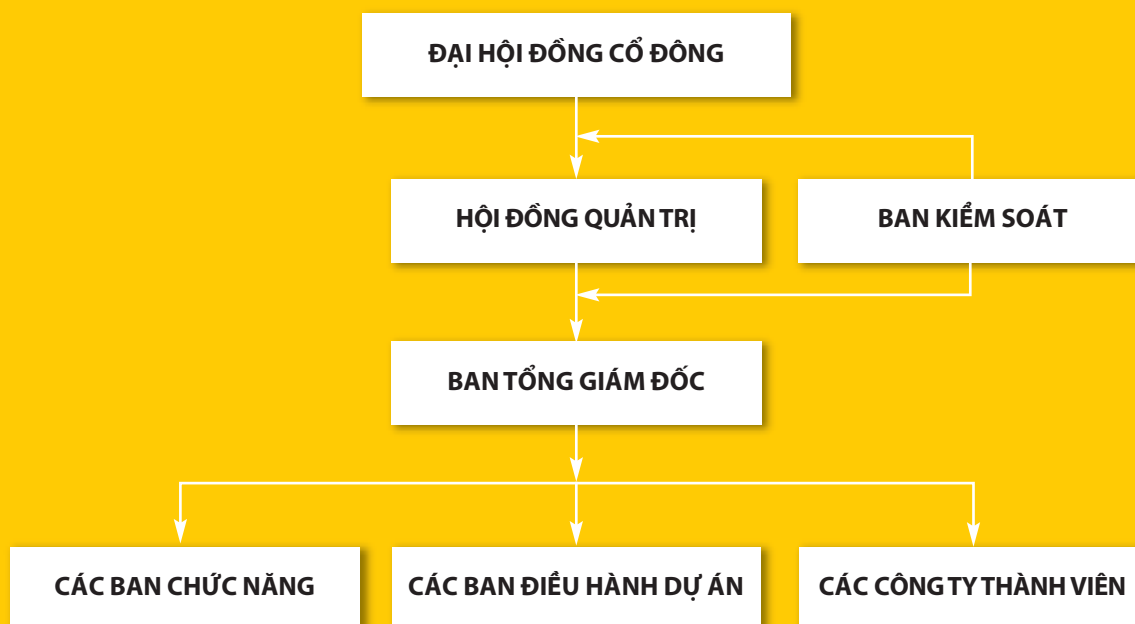
**14/9/2014**

PVC kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Tổng công ty. Đây cũng là năm đánh dấu sự chuyển mình mạnh mẽ, đặc biệt trong công tác tái cơ cấu doanh nghiệp.

## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVC)

<b>Trụ sở chính:</b>	Tòa nhà CEO, đường Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, Hà Nội
<b>Điện thoại:</b>	(84) 4 3768 9291 / 3 / 4 / 5
<b>Fax:</b>	(84) 4 3768 9290 / 3768 9867
<b>Email:</b>	info@pvc.vn
<b>Website:</b>	www.pvc.vn
<b>Văn phòng phía Nam:</b>	Tầng 6, tòa nhà Media, 11Bis, Nguyễn Gia Thiều, P. 6, Q.3, TP. HCM
<b>Điện thoại :</b>	(84) 8 5422 1015
<b>Fax :</b>	(84) 8 5422 1515
<b>Mã cổ phiếu:</b>	PVX
<b>Lĩnh vực kinh doanh:</b>	Xây lắp chuyên ngành dầu khí; Xây dựng công nghiệp; Xây dựng dân dụng; Xây dựng khu công nghiệp; Đầu tư tài chính
<b>Vốn điều lệ năm 2012:</b>	4.000 tỷ
<b>Số lượng cán bộ công nhân viên:</b>	5.097 (cập nhật 31/12/2015)

## MÔ HÌNH TỔ CHỨC



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Ông BÙI NGỌC THẮNG

Chủ tịch HĐQT  
(Chairman)

- Ông BÙI NGỌC HƯNG

Ủy viên HĐQT  
(Member of BOM)

- Ông NGUYỄN ANH MINH

Ủy viên HĐQT  
(Member of BOM)

- Ông NGUYỄN HUY HÒA

Ủy viên HĐQT  
(Member of BOM)

- Bà NGUYỄN THỊ THU HƯỜNG

Ủy viên HĐQT  
(Member of BOM)

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ông NGUYỄN ANH MINH

Tổng giám đốc  
(General Director - CEO)

- Ông NGUYỄN VĂN ĐỒNG

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

- Ông BÙI TIẾN THÀNH

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

- Ông TRẦN MINH TUẤN

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

- Ông NGUYỄN DUYÊN HẢI

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

- Ông NGUYỄN TRUNG TRÍ

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

- Ông TRẦN QUỐC HOÀN

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

- Ông NGUYỄN MẠNH TIẾN

Phó Tổng giám đốc  
(Deputy General Director)

## BAN KIỂM SOÁT

- Ông NGUYỄN VĂN LAI

Trưởng Ban Kiểm soát

- Ông PHẠM TIẾN ĐẠT

Thành viên Ban Kiểm soát

- Bà TRẦN THỊ TRANG

Thành viên Ban Kiểm soát

## CÁC BAN CHỨC NĂNG - BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

### CÁC BAN CHỨC NĂNG

- 1 Văn phòng
- 2 Ban Tổ chức Nhân sự
- 3 Ban Tài chính Kế toán - Kiểm toán
- 4 Ban Kỹ thuật An toàn
- 5 Ban Kinh Tế Thương mại
- 6 Ban Kế hoạch - Đầu tư
- 7 Ban Kiểm soát
- 8 Ban tái cơ cấu và xử lý nợ
- 9 Ban văn phòng Đảng - Đoàn thể
- 10 Chi nhánh Xây lắp công trình dầu khí phía Bắc

### CÁC BAN ĐIỀU HÀNH DỰ ÁN

- 1 BDH Dự án Nhà máy sản xuất Ethanol Phú Thọ
- 2 BDH các Dự án của PVC tại phía Nam
- 3 BDH Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2
- 4 BDH Dự án Vũng Áng - Quảng Trạch
- 5 BDH Dự án Nhà máy Xơ sợi tổng hợp Polyester



## LĨNH VỰC KINH DOANH

### A. Xây lắp chuyên ngành Dầu khí

PVC là doanh nghiệp chủ lực của ngành Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PVC trong suốt 30 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

### B. Xây dựng công nghiệp

PVC còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành Dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng....
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.
- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...
- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện

### C. Xây dựng dân dụng

■ PVC đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PVC còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới

### D. Sản xuất Công nghiệp

■ Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PVC chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí)

[www.pvc.vn](http://www.pvc.vn)



# BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2016

## PHẦN I KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Tình hình kinh tế trong nước năm 2015 có nhiều chuyển biến tích cực, tốc độ tăng GDP đạt mức cao nhất của kỳ kế hoạch 5 năm giai đoạn 2011 – 2015, chỉ số giá tiêu dùng duy trì ổn định và ở mức thấp hơn so với năm 2014... Tuy nhiên, giá dầu thế giới tiếp tục giảm mạnh trong năm 2015 đã tác động tiêu cực đến quá trình triển khai các hoạt động khai thác, đầu tư của ngành Dầu khí, nhiều dự án do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam/ các đơn vị thành viên của Tập đoàn làm chủ đầu tư đã phải dừng/giãn tiến độ làm hạn chế nguồn công việc của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC).

Được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Tập đoàn, sự hỗ trợ tích cực của các đơn vị trong

ngành/các đối tác truyền thống và nỗ lực của tập thể Lãnh đạo, CBCNV và người lao động PVC trong quá trình thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc khi triển khai nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Kết quả thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2015 của PVC đạt được như sau:

Như vậy, năm 2015, toàn tổ hợp PVC (bao gồm Công ty mẹ và 9 đơn vị thành viên hợp nhất báo cáo tài chính là PVC-MS, PVC-IC, PVC-PT, PVC-Mekong, PVC-PetroLand, PVC-Bình Sơn, PVC-Thái Bình, PVCLand và PVC-Đông Đô) đã cơ bản hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2015, cụ thể:

### KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Tỷ lệ HT/KH (%)
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	10,200.00	14,180.48	139%
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	8,690.00	11,584.50	133%
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	9,450.00	11,966.57	127%
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	8,025.00	9,093.01	113%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	71.00	88.52	125%
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	12.00	135.51	1129%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	56.00	22.69	41%
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	12.00	136.68	1139%
5	Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	427.00	942.02	221%
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	314.00	696.44	222%
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	329.93	121.23	37%
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	9.11	0	0%
7	Thu nhập bình quân người lao động	Tr.đng/tháng	8.13	9.55	117%





- Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 14.180,48 tỷ đồng, đạt 139% kế hoạch năm và tăng 45% so với năm 2014; Riêng Công ty mẹ thực hiện 11.584,50 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch năm và tăng 66% so với năm 2014.

- Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 11.966,57 tỷ đồng, đạt 127% kế hoạch năm và tăng 25% so với năm 2014; Riêng Công ty mẹ thực hiện 9.093,01 tỷ đồng đạt 113% kế hoạch năm và tăng 38% so với năm 2014.

- Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp thực hiện 88,52 tỷ đồng, đạt 125% kế hoạch năm và bằng 63% so với năm 2014; Riêng Công ty mẹ thực hiện 135,51 tỷ đồng đạt 1.129,3 % kế hoạch năm và tăng 38% so với năm 2014.

- Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp thực hiện 22,69 tỷ đồng, đạt 41% kế hoạch năm và bằng 22% so với năm 2014; Riêng Công ty mẹ thực hiện 136,68 tỷ đồng, đạt 1.139% kế hoạch năm và tăng 37% so với năm 2014.

## PHẦN II KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

### II. ĐÁNH GIÁ CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

#### 1. Công tác triển khai các công trình/ dự án trọng điểm

Trong năm 2015, các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu của PVC đều hoàn thành vượt mức kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua, trong đó dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 là dự án mang lại phần lớn về sản lượng và doanh thu của PVC năm 2015 (tương đương 72% sản lượng và 64% doanh thu của toàn tổ hợp), phần còn lại được ghi nhận từ các công trình/dự án như Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1, Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, công trình Viện Dầu khí phía Nam, Âu tàu và Trung tâm điều khiển Âu tàu Rạch Chanh, Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1, Nhà máy Xử lý Khí Cà Mau và một số các công trình/dự án được các đơn vị thành viên như PVC-MS, PVC-PT, PVC-IC, PVC-Bình Sơn thực hiện.

Trong năm 2015, PVC đã hoàn thành thi công tại các dự án/ công trình: Gói thầu nạo vét công trình biển BoQ1,BoQ2 tại dự án NM LHD Nghi Sơn, dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng, Gói thầu bờ kè tại dự án NMNĐ Sông Hậu 1, dự án Âu tàu Rạch Chanh và Trung tâm điều khiển Âu, Viện Dầu khí phía Nam....

Các dự án trọng điểm đang được tiếp tục triển khai như sau:

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2: Tính đến thời điểm 31/12/2015, dự án đã triển khai 62,09% tổng tiến độ. Đến thời điểm 31/3/2016, dự án đạt 64,03% tổng tiến độ, trong đó công tác thiết kế hoàn thành 94,19%, đạt 11,3%/12% tổng tiến độ; Công tác mua sắm cung cấp thiết bị hoàn thành 96,21%, đạt 3,85%/4% tổng tiến độ; Công tác chế tạo, sản xuất, vận chuyển đạt 77,81%, đạt 36,57%/47% tổng tiến độ; Công tác thi công xây lắp đặt hoàn thành 42,44%, đạt 12,31%/29% tổng tiến độ. Dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận kết quả thẩm định Tổng mức đầu tư (TMĐT) điều chỉnh tại văn bản số 71/TTg-KTN ngày 12/01/2016. Hiện nay PVC đang tích cực phối hợp với các nhà thầu/đơn vị tư vấn làm việc với Chủ đầu tư để cập nhật vào Tổng dự toán gói thầu EPC của dự án.

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1: Trong năm 2015, PVC đã hoàn thành thi công các hạng mục tại dự án, hoàn tất công tác đóng punchlist, đơn vị vận hành đã quản lý sử dụng toàn bộ các hạng mục để sản xuất. Hiện PVC đang tiếp tục làm việc với Ban QLDA để kiến nghị giải quyết các công việc còn vướng mắc và làm việc với Viện Kinh tế/Viện Năng lượng để cập nhật và hoàn thiện khối lượng/giá trị dự toán.

- Dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn: Công ty mẹ PVC đang tập trung mọi nguồn

lực hoàn thành công tác thi công các gói thầu tại dự án bao gồm gói thầu Civil 6, gói thầu Building 3B và dự kiến hoàn thành quyết toán gói thầu Building 3B trong quý II/2016.

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện sông Hậu 1: Tiếp tục triển khai thi công gói thầu xử lý nền Nhà máy và thực hiện các công tác chuẩn bị để triển khai thi công các hạng mục xây dựng và lắp đặt tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1.

## **2. Công tác đầu tư**

### **1.1. Đầu tư tài chính**

Tính đến 31/12/2015, PVC tham gia góp vốn tại 34 doanh nghiệp với tổng giá trị đầu tư là 3.228,92 tỷ đồng (giảm 114,74 tỷ đồng so với năm 2014) với cơ cấu đầu tư như sau: (i) Đầu tư tại 09 Công ty con là 1.986,21 tỷ đồng, chiếm 61,51% tổng giá trị đầu tư; (ii) Đầu tư tại 12 công ty liên kết là 773,58 tỷ đồng, chiếm 23,96% tổng giá trị đầu tư; (iii) Đầu tư tại 13 đơn vị đầu tư tài chính khác là 469,12 tỷ đồng, chiếm 14,53% tổng giá trị đầu tư. Trong năm 2015, PVC thực hiện hoàn nhập/trích lập dự phòng đầu tư tài chính 2,21 tỷ đồng. Lũy kế trích lập dự phòng đến hết năm 2015 là 1.631,01 tỷ đồng.

Năm 2015, do hoạt động SXKD còn gặp nhiều khó khăn, có 04/34 doanh nghiệp thực hiện chi trả cổ tức cho PVC số tiền là 50,32 tỷ đồng (PVC-MS trả cổ tức là 33,13 tỷ đồng, tương ứng mức cổ tức 13%; PVC-IC trả cổ tức là 15,3 tỷ đồng, tương ứng mức cổ tức 10%; PVSD trả cổ tức là 1,5 tỷ đồng, tương ứng mức cổ tức 5% và thu hồi cổ tức năm 2010 của Petrowaco 0,39 tỷ đồng), các đơn vị còn lại có mức lợi nhuận rất thấp hoặc thua lỗ nên không có kế hoạch trả cổ tức.

### **1.2. Đầu tư bất động sản, XDCB, hạ tầng và mua sắm máy móc thiết bị**

Năm 2015, Công ty mẹ PVC chủ động giãn tiến độ đầu tư mua sắm mới máy móc thiết bị theo kế hoạch để tập trung cho công tác quản lý, khai thác hiệu quả và hoàn thiện hồ sơ pháp

lý đảm bảo quyền quản lý, sử dụng tài sản của PVC đối với một số máy móc thiết bị đã nhận chuyển nhượng đơn vị thành viên từ năm 2014; Tập trung cho công tác thoái vốn và thu hồi chi phí đã đầu tư của PVC đối với dự án Trung tâm thương mại, công viên giải trí và Tháp Dầu khí; Kiến nghị cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương thoái vốn của Công ty mẹ PVC/Công ty con đối với các dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp/Khu nhà ở CB CNV ngành Dầu khí tại Thái Bình/Tòa nhà Bạc Liêu Tower...

Các công ty con tiếp tục triển khai thực hiện đầu tư đối với 08 dự án chuyển tiếp từ những năm trước với giá trị đầu tư là 121,23 tỷ đồng, chủ yếu tại các đơn vị như: PVC-MS (Thực hiện phân kỳ 2 và 3, giai đoạn 2 của dự án Bãi cảng chế tạo kết cấu kim loại và thiết bị Dầu khí, giá trị thực hiện 34,68 tỷ đồng); PVC-IC (hợp tác đầu tư với một số đối tác nhằm thực hiện dự án Khu phức hợp TTTM-DV văn phòng và căn hộ 30/4, thành phố Vũng Tàu với giá trị 19,70 tỷ đồng); PVC-PetroLand (Tiếp tục thực hiện đầu tư để hoàn thành dự án Chung cư Mỹ Phú với giá trị đầu tư 45,85 tỷ đồng. Hiện đã bàn giao 266/286 căn hộ tại dự án cho khách hàng)...

## **3. Công tác hợp đồng kinh tế, tài chính, kế toán và kiểm toán**

### **3.1. Công tác tiếp thị đấu thầu và ký kết hợp đồng kinh tế:**

Công tác tiếp thị đấu thầu: Năm 2015, đánh dấu sự thay đổi lớn trong công tác đấu thầu so với những năm trước đây. Đặc biệt, Luật Đấu thầu sửa đổi có hiệu lực từ ngày 01/7/2014 đã ảnh hưởng trực tiếp đến Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Tổng công ty và các đơn vị thành viên bị hạn chế hơn trong việc được hưởng các chính sách ưu đãi từ Tập đoàn và các đơn vị trong ngành. Tuy nhiên, bên cạnh sự quan tâm hỗ trợ lớn của Tập đoàn, PVC cũng đã nỗ lực trong công tác tiếp thị, tìm kiếm nguồn công việc. Trong năm 2015, toàn Tổng công ty đã thực hiện đấu thầu/chào



giá/xin chỉ định thầu 113 gói thầu, trong đó Công ty mẹ thực hiện 09 gói thầu và các đơn vị thành viên thực hiện 104 gói thầu, tập trung tại các đơn vị như PVC-MS (42 gói thầu), PVC-PT (22 gói thầu), PVC-Bình Sơn (32 gói thầu), PVC-Mekong (5 gói thầu), PVC-IC (3 gói thầu).

Công tác ký kết hợp đồng: Toàn Tổng công ty đã ký kết 34 hợp đồng với Chủ đầu tư/ Tổng thầu, giá trị hợp đồng là 1.020,87 tỷ đồng. Trong đó Công ty mẹ ký kết 02 hợp đồng (giá trị 614,29 tỷ đồng), các đơn vị thành viên ký kết 32 hợp đồng, bao gồm: PVC-MS ký kết 07 hợp đồng (giá trị 99,02 tỷ đồng), PVC-Bình Sơn ký kết 12 hợp đồng (giá trị 104,46 tỷ đồng), PVC-PT ký kết 08 hợp đồng (giá trị 48,64 tỷ đồng), PVC-Mekong ký kết 04 hợp đồng (giá trị 8,87 tỷ đồng), PVC-IC ký kết 01 hợp đồng (giá trị 145,57 tỷ đồng).

### **3.2. Công tác tài chính, kế toán, kiểm toán:**

Trong năm 2015, PVC tiếp tục triển khai từng bước tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về tài chính, cụ thể:

- PVC đã có những biện pháp chấn chỉnh, kiểm soát về công tác quản lý dòng tiền, nguồn tiền phục vụ các dự án và đều được chi đúng mục đích, đúng yêu cầu.

- Làm việc với các tổ chức tín dụng để ký kết hợp đồng tín dụng, bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C,... đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD của Tổng công ty năm 2015 - 2016. Đến thời điểm hiện tại, Ngân hàng VP-Bank cấp hạn mức là 500 tỷ đồng; BIDV- CN Hà Tây cấp hạn mức là 1.000 tỷ đồng và PVCombank cấp hạn mức là 100 tỷ đồng.

- Trong năm 2015, PVC đã xử lý dứt điểm các vướng mắc liên quan đến tài khoản chuyên chi của PVC tại Oceanbank liên quan đến dự án NMNĐ Thái Bình 2, hoàn thành chuyển tài khoản sang PVcombank.

- Làm việc với các ngân hàng Oceanbank, PVComBank, VIB để thống nhất phương án xử lý và giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh của PVC.

Đến thời điểm hiện tại, PVC đã thực hiện giải tỏa được 280,11 tỷ đồng nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản vay tại các đơn vị PVC-MT, PVC-IMICO, PVC-SG. Hiện PVC đang tiếp tục làm việc với các Tổ chức tín dụng/ Ngân hàng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty đối với các khoản vay của các đơn vị PVC-Kinh Bắc, PVC-HN,... Tổng dư nợ vay vốn của các đơn vị có bảo lãnh của PVC thời điểm 31/12/2015 là 288,23 tỷ đồng (chưa bao gồm 91,36 tỷ đồng PVC đã bị các Ngân hàng siết nợ).

- Về các khoản vay ủy thác Tập đoàn qua Oceanbank: Tổng dư nợ PVC vay ủy thác Tập đoàn đến 31/12/2015 là 955,03 tỷ đồng. Khoản vay này đã được gia hạn đến ngày 31/12/2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 2,4% kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 và 1% từ ngày 01/01/2015. Hiện PVC đang tiến hành rà soát các khoản đầu tư sử dụng vốn vay ủy thác của Tập đoàn tại các đơn vị và xây dựng phương án xử lý đối với từng khoản vay cụ thể.

- Về công tác thu hồi công nợ: Trong năm 2015, Công ty mẹ PVC thường xuyên thực hiện rà soát, tổng hợp các khoản phải thu, phải trả, giá trị khối lượng dở dang giữa PVC và các đơn vị thành viên, giữa các đơn vị thành viên với nhau tại các công trình/dự án để xây dựng phương án thu hồi nợ, xử lý công nợ chéo. Kết quả đã thu hồi được 130,59 tỷ đồng công nợ khó đòi từ các đơn vị. Đối với việc thu hồi công nợ tạm ứng cá nhân, Công ty mẹ PVC đã đôn đốc các cá nhân hoàn ứng 15,09 tỷ đồng.

### **4. Công tác tái cơ cấu**

Trên cơ sở Quyết định 905/QĐ-DKVN ngày 20/4/2015 của Tập đoàn về việc sửa đổi bổ sung phương án tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, PVC đã thực hiện rà soát, xây dựng kế hoạch triển khai chi tiết và được Hội đồng quản trị Tổng công ty phê duyệt tại Quyết định 569/QĐ-XLDK ngày 16/7/2015. Trong năm 2015, kết quả thực hiện công tác tái cơ cấu của PVC như sau:

**\* Công tác kiện toàn tổ chức quản lý công ty Mẹ**

- Thành lập Ban Tái cơ cấu và Xử lý nợ trực thuộc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Ban điều hành công trường San lấp và xử lý nền - Dự án Nhà máy xử lý Khí Cà Mau. Công ty Mẹ hiện nay bao gồm 07 Ban/Văn phòng chức năng, 01 Văn phòng Đảng/Đoàn thể, 01 Chi nhánh và 06 Ban điều hành dự án.

- Triển khai cơ cấu tổ chức lại tổ chức Ban điều hành các dự án của PVC tại phía Nam và bộ phận thường trực văn phòng Tổng công ty tại phía Nam nhằm đảm bảo quản lý có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu về an toàn, chất lượng, tiến độ các dự án phía Nam của PVC tại phía Nam.

- Đối với việc trực tiếp tham gia vào hoạt động SXKD: Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc (Chi nhánh) trực thuộc Công ty mẹ Tổng công ty đã dẫn được kiện toàn và tham gia thực hiện nhiều dự án, công trình của Tổng công ty. Trong năm 2015, Công ty mẹ PVC cũng đã thành lập "Tổ công tác kiểm tra đánh giá năng lực hoạt động SXKD của Chi nhánh" thực hiện rà soát đánh giá năng lực, tình hình hoạt động SXKD của Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc, đồng thời chỉ ra các tồn tại, vướng mắc trong hoạt động của Chi nhánh để hoàn thiện, bổ sung cho phù hợp và nâng cao hiệu quả SXKD.

- Thực hiện rà soát, đánh giá năng lực, kiện toàn đội ngũ cán bộ quản lý từ Ban điều hành đến cán bộ lãnh đạo là Người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên và có phương án bổ sung, thay thế kịp thời. Hạn chế cử Người đại diện kiêm nhiệm tại các đơn vị nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn, tháo gỡ khó khăn tại các đơn vị. Trong năm 2015, PVC đã thực hiện kiện toàn 15 lượt người đại diện phần vốn tại 10 đơn vị và thôi cử người đại diện phần vốn của PVC tại 05 đơn vị đã thoái toàn bộ vốn.

**\* Công tác thoái vốn:**

- Trong năm 2015, PVC đã thực hiện thoái toàn bộ phần vốn góp của Tổng công ty tại 05 đơn vị bao gồm: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC, Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí - PHH, Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng - ICG, Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam-SSG, Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí - PVME. Tổng giá trị thu về là 121,44 tỷ đồng/147,12 tỷ đồng giá trị đầu tư. Hiện PVC đã hoàn thành công tác ký kết hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp còn lại của PVC tại PVL và đang thực hiện các thủ tục chuyển quyền sở hữu cho đối tác nhận chuyển nhượng.

- Thực hiện các thủ tục chuyển nhượng phần vốn góp của PVC tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.

**\* Công tác kiện toàn, tái cơ cấu các đơn vị:**

- Trong năm 2015, PVC đã hoàn thành phương án xây dựng một đơn vị nòng cốt tại khu vực miền Trung trên cơ sở kiện toàn lại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Đạt, đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn và chuyển trụ sở từ Thành phố Hồ Chí Minh ra Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

- Thực hiện phương án xây dựng đơn vị thành viên nòng cốt tại khu vực miền Bắc thông qua sáp nhập PVSD và PVC-DH. Tuy nhiên, tại đại hội cổ đông của PVSD không thông qua phương án sáp nhập. Hiện PVC đang triển khai xây dựng phương án tái cơ cấu mới.

- Đối với công tác giải thể/ phá sản các đơn vị: PVC hiện đang thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong việc xử lý các khoản vướng mắc về tài chính/công nợ với PVC và các đơn vị. Sau khi có đầy đủ các điều kiện để có thể giải thể/phá sản sẽ tiến hành thuê đơn vị tư vấn luật để hỗ trợ thực hiện.

**\* Công tác chuyển nhượng/chuyển**



### **giao các dự án:**

- Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp-Tiền Giang (Dự án): Trong năm 2015, PVC đã xây dựng các phương án về việc chuyển nhượng/chuyển giao dự án theo đúng quy định của pháp luật. Hiện PVC tiếp tục giải trình với Tập đoàn về phương án chuyển giao dự án theo chỉ đạo của Bộ Tài chính tại văn bản số 1709/BTC-TCĐN ngày 29/01/2016; Thống nhất với cấp có thẩm quyền của Tỉnh Tiền Giang về pháp lý và giá trị chuyển giao dự án từ Tập đoàn cho UBND tỉnh Tiền Giang quản lý, sử dụng. Dự kiến hoàn thành trong Quý II/2016.
- Dự án Khu trung tâm thương mại, Tháp Dầu khí và công viên giải trí (Dự án): Hoàn thành công tác chuyển chủ đầu tư và thu hồi đầy đủ chi phí đã đầu tư của PVC tại dự án cho Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh.
- Khu nhà ở CBCNV ngành Dầu khí của PVC – TB tại thành phố Thái Bình: Đã hoàn thành công tác ký kết hợp đồng chuyển nhượng và bàn giao mặt bằng khu đất cho Ban QLDA/Tập đoàn tiếp tục đầu tư xây dựng Khu nhà ở CBCNV vận hành, sửa chữa Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2.

Ngoài ra, PVC cũng đã chỉ đạo và hỗ trợ các đơn vị thành viên tiếp tục rà soát, tìm kiếm các đối tác để thoái vốn/chuyển nhượng các dự án khác như: Bạc Liêu Tower (PVC-Mekong), Sân golf Nha Trang (Petroland và INT)...

### **5. Công tác lao động, tiền lương, đào tạo**

Đến thời điểm 31/12/2015, tổng số lao động toàn Tổng công ty (bao gồm Công ty mẹ và 09 đơn vị chi phối) là 4.333 lao động. Số lao động có việc làm thường xuyên là 4.117 người, số lao động nghỉ chờ việc, nghỉ không lương, nghỉ chế độ là 216 người (tập trung chủ yếu tại đơn vị PVC-PT). Riêng Công ty mẹ PVC là 573 người, trong đó số lao động tại Cơ quan Công ty mẹ là 204 người, lao động tại các Ban điều hành dự án/ Chi nhánh là 369 người.

Công tác trả lương cho CBCNV của Tổng công ty được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, đồng thời khuyến khích CBCNV phát huy tính chủ động, sáng tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ, công việc được giao. Thu nhập bình quân năm 2015 của lao động định biên toàn Tổng công ty là 9,55 triệu đồng/người/tháng.

Trong năm 2015, toàn Tổng công ty đã thực hiện 180 khóa đào tạo cho 6.454 lượt người với kinh phí thực hiện 14,85 tỷ đồng.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Năm 2015, được sự chỉ đạo, quan tâm và hỗ trợ sát sao của Tập đoàn, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã đưa ra các định hướng đúng đắn, khai thác tối đa các yếu tố thuận lợi, cùng với sự đoàn kết, quyết tâm nỗ lực phấn đấu của toàn thể CBCNV trong toàn Tổng công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch đề ra và đã đạt được một số thành tựu nổi bật sau:

#### **1. Thành tựu đạt được**

- Năm 2015, toàn Tổng công ty đã đi vào hoạt động ổn định sau những khó khăn thời kỳ 2012-2013 và tiếp tục có những bước tăng trưởng vững chắc. Ban lãnh đạo Tổng công ty đoàn kết, quyết liệt trong công tác quản lý, điều hành, chỉ đạo Công ty mẹ và các đơn vị thành viên thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch.
- Hầu hết các chỉ tiêu kinh tế chính hoàn thành vượt mức so với kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 thông qua. Tình hình sản xuất kinh doanh năm 2015 của các đơn vị thành viên dần được ổn định, các đơn vị thành viên của PVC hoàn thành/hoàn

thành vượt mức/không hoàn thành kế hoạch năm nhưng đều có tỷ lệ tăng trưởng cao so với năm 2014.

- Trong công tác thi công, đã hoàn thành thi công và bàn giao nhiều công trình/dự án như: Bờ kè sông dự án NMNĐ Sông Hậu 1, Âu tàu Rạch Chanh và Trung tâm điều khiển Âu tàu, Văn phòng Viện Dầu khí phía Nam, dự án giàn Thái Bình, dự án P5/P6, dự án BK Thiên Ưng, dự án chân đế Thỏ Trắng, lắp ráp và đấu nối các chân H1017, H1018, H1025,...

- Công ty Mẹ - PVC hoàn thành việc chuyển giao Dự án Khu Trung tâm Thương mại, công viên giải trí và Tháp Dầu khí cho Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Linh, hoàn thành việc cấp và bàn giao cho khách hàng Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà tại Dự án Chung cư 9 tầng Viettubes... Các đơn vị có vốn góp của PVC đã chuyển nhượng thành công các dự án như dự án Sunlight của PVC-Đông Đô tại TP Hải Phòng, Dự án Tòa nhà Light House Complex tại Nha Trang ...

- Trong công tác tái cơ cấu, cơ bản hoàn thành kế hoạch thoái phần vốn góp của PVC năm 2015 theo đề án tái cơ cấu được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN và Quyết định 905/QĐ-DKVN đối với phần vốn đầu tư của PVC tại: ICG, PHH, PVV, PV-SSG và PVME.

- Mặc dù công tác huy động vốn còn gặp nhiều khó khăn nhưng các đơn vị thành viên đã nỗ lực hoàn thành và bàn giao nhà cho khách hàng, giảm khiếu nại, khiếu kiện, góp phần hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2015 của các đơn vị nói riêng và Tổng công ty PVC nói chung như dự án Chung cư Mỹ Phú của PVC-Petroland, dự án 242 Nguyễn Hữu Cảnh của PVC-IC,...

## 2. Một số hạn chế, tồn tại

Bên cạnh những kết quả đã đạt được trong năm 2015, Tổng công ty cũng gặp không ít các tồn tại, vướng mắc từ nhiều nguyên nhân

khách quan và nguyên nhân chủ quan làm ảnh hưởng đến công tác triển khai, thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, cụ thể như:

- Một số đơn vị thành viên năm 2014 có kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ và tiếp tục thua lỗ trong năm 2015 (như PVC-Thái Bình, PVC-Bình Sơn, PVC-Đông Đô, PVC Land...) làm ảnh hưởng lớn tới kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất của Tổng công ty.

- Ngoại trừ PVC-MS và PVC-IC là các đơn vị có mối quan hệ tốt, khách hàng truyền thống có thể chủ động được nguồn công việc gối đầu giúp hoàn thành kế hoạch SXKD, thì các đơn vị còn lại đều thiếu tính chủ động trong công tác tìm kiếm nguồn việc, phụ thuộc hoàn toàn vào việc được Tổng công ty giao thầu/ chỉ định thầu tại các Dự án mà Tổng công ty được Tập đoàn/đơn vị thuộc Tập đoàn hỗ trợ.

- Giá trị khối lượng dở dang, công nợ phải thu tại các đơn vị lớn, nhiều khoản công nợ, giá trị khối lượng dở dang tại một số đơn vị tồn tại từ lâu nhưng vẫn chưa thực hiện quyết toán và thu hồi dứt điểm, dẫn đến các đơn vị vừa phải lo thu xếp vốn cho các hoạt động SXKD và phải chịu chi phí lãi vay ngân hàng, làm ảnh hưởng tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.

- Tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, với năng lực hiện có của PVC, năm 2015 PVC có thể thực hiện sản lượng, doanh thu cao hơn nữa. Tuy nhiên, do tồn tại những vướng mắc về cơ chế của dự án, tổng mức đầu tư chưa được chấp thuận điều chỉnh nên việc thực hiện dự án còn hạn chế, đặc biệt trong công tác nghiệm thu, thu hồi vốn.

- Các vướng mắc tại một số dự án của Tổng công ty chưa được giải quyết, xử lý dứt điểm như dự án NMNĐ Vũng Áng 1 (chưa được phê duyệt phát sinh), dự án PVTex (chưa hoàn thành quyết toán), dự án Ethanol Phú Thọ..., dẫn đến công nợ tiếp tục tồn tại. Một số dự án bị kéo dài so với tiến độ dự kiến, dẫn



đến phát sinh chi phí quản lý và các chi phí khác, làm ảnh hưởng tới hiệu quả của dự án cũng như kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

- Giá dầu giảm dẫn đến nhiều dự án của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn dừng/ giãn tiến độ. Bên cạnh đó, nhiều đơn vị với kết quả sản xuất kinh doanh thua lỗ, tình hình tài chính khó khăn dẫn đến công tác tiếp thị/đấu thầu/ký hợp đồng đối với các dự án trong và ngoài ngành của Tổng công ty đạt kết quả thấp, các công trình thực hiện năm 2015 chủ yếu là các công trình chuyển tiếp từ những năm trước. Trong năm 2015, kết quả SXKD của PVC chủ yếu phụ thuộc và dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 như đã nêu ở trên. Năm 2015, toàn tổ hợp chỉ ký được 34 hợp đồng với tổng giá trị 1.020,87 tỷ đồng, tương ứng 7,2% tổng sản lượng thực hiện

năm 2015, đây là tỷ lệ rất thấp và sẽ ảnh hưởng tới nguồn việc của Tổng công ty trong năm 2016 và các năm tiếp theo.

- Công tác tái cơ cấu/thu hồi công nợ/chuyển nhượng dự án đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên một số nội dung chưa hoàn thành được nhiệm vụ, kế hoạch đã đề ra do thay đổi chủ trương của cấp có thẩm quyền, như: Công tác chuyển giao Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang; Chuyển nhượng phần vốn góp của PVC tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long... Việc giải thể/phá sản đối với một số đơn vị thành viên theo đề án tái cơ cấu chưa tiến hành được do còn tồn tại nhiều khoản công nợ chéo, phức tạp cần được thống nhất giải quyết tránh làm ảnh hưởng tiêu cực tới kết quả SXKD của PVC, các đơn vị trong năm 2015 và các năm tiếp theo.

## PHẦN II

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Căn cứ vào kế hoạch 5 năm 2016-2020 của PVC đã được Tập đoàn phê duyệt tại Nghị quyết số 3773/NQ-DKVN ngày 09/6/2015 và căn cứ tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, các công việc chuyển tiếp cũng như nguồn công việc dự kiến sẽ ký hợp đồng trong năm 2016, Tổng Công ty PVC xây dựng mục tiêu kế hoạch năm 2016 kính trình Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

#### I. KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2016

##### 1. Các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu

### CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ CHỦ YẾU NĂM 2016

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016
1	Tổng giá trị SXKD	Tỷ đồng	14,180.48	11,900.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	11,584.50	9,500.00
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	11,966.57	11,000.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	9,093.01	8,600.00
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	88.52	125.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	135.51	83.00
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	22.69	75.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	136.68	83.00
5	Nộp Ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	942.02	610.00
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	696.44	458.00
6	Giá trị đầu tư	Tỷ đồng	121.23	603.87
	<i>Riêng Công ty mẹ</i>	Tỷ đồng	-	6.54
7	Thu nhập bình quân người lao động	Tr.đ/ng/ tháng	9.55	10.95

#### 1. Các nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Huy động tối đa mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành quyết liệt, phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch năm 2016 đã đề ra,

2.2. Hoàn thành bàn giao các công trình/dự án/hạng mục: Xử lý nền dự án NMNĐ Sông Hậu 1; San lấp và xử lý nền dự án GPP Cà Mau; Hạng mục Civil 6 dự án Lọc hóa dầu Nghi Sơn;... Hoàn thành công tác thanh quyết toán dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1.

2.3. Tăng cường hợp tác với các đơn vị có năng lực và kinh nghiệm đặc biệt là các nhà

thầu nước ngoài, tích cực đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tiếp thị, đấu thầu cung cấp dịch vụ xây lắp các dự án trong Ngành, mở rộng thị trường ngoài Ngành.

2.4. Quyết liệt tổ chức, phấn đấu thực hiện thành công phương án tái cơ cấu đã được Tập đoàn phê duyệt tại Quyết định 2034a/QĐ-DKVN ngày 20/9/2013 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20/4/2015. Sắp xếp các đơn vị thành viên vùng miền theo hướng tập trung, nâng cao năng lực, sức cạnh tranh, hoạt động hiệu quả, tránh cạnh tranh nội bộ; Kiện toàn bộ máy quản lý Công ty mẹ theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, năng





cao năng lực, sức cạnh tranh để trực tiếp tham gia các dự án. Nâng cao năng lực thi công, đổi mới phương pháp quản lý của Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc và các đơn vị thành viên. Đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp của Công ty mẹ.

2.5. Chỉ đạo quyết liệt trong công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình, thu hồi nợ cá nhân, bổ sung nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Xử lý dứt điểm các vấn đề còn tồn đọng, trong đó đặc biệt trong việc xử lý công nợ và vật tư tài sản tồn đọng.

2.6. Tăng cường kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, quản lý dòng tiền theo từng dự án/gói thầu/hạng mục công việc, nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng vốn từ Công ty mẹ tới các doanh nghiệp có vốn góp.

2.7. Kiểm soát chặt chẽ chi phí và tăng cường kiểm tra, giám sát, thực hành chống lãng phí, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật để giảm giá thành và nâng cao hiệu quả kinh doanh; Xây dựng và hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế, kỹ thuật; Nâng cao chất lượng công tác xây dựng dự toán gói thầu/hạng mục công việc từ khâu chuẩn bị hồ sơ để làm cơ sở kiểm soát chi phí.

2.8. Xây dựng và áp dụng các quy trình quản lý chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu tổ chức thi công các công trình công nghiệp lớn, duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường trong toàn Tổng Công ty; Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến, phát huy sáng kiến trong sản xuất và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý và sản xuất.

2.9. Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị doanh nghiệp, cân đối dòng tiền và quản trị rủi ro.

2.10. Tăng cường công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, tập trung chuẩn bị tốt các điều kiện về nhân sự, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công để có thể triển khai các công trình/dự án trọng điểm của Tập đoàn và của các chủ đầu tư giao, đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu.

2.11. Tổ chức sắp xếp lại nhân sự và lao động cho phù hợp với mục tiêu giảm lao động gián tiếp, tăng lao động trực tiếp và phát huy trình độ, năng lực của người lao động.

2.12. Thường xuyên thực hiện rà soát, phân tích, đánh giá và giám sát tình hình hoạt động, tài chính của các doanh nghiệp có vốn góp của PVC để có các giải pháp hỗ trợ và xử lý kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư vốn của Công ty mẹ.

2.13. Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình thực tế hoạt động của Công ty mẹ PVC và các doanh nghiệp có vốn góp của PVC.

## **I. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2016**

Để thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2016 đã đề ra như trên, PVC đã xây dựng các giải pháp nhằm củng cố, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể:

1. Công tác tái cơ cấu, tổ chức và quản lý
  - Thực hiện thoái vốn/giải thể/sáp nhập/phá sản các công ty con, công ty liên kết hoạt động không hiệu quả và không thuộc lĩnh vực ngành nghề chính của PVC theo phương án đã được Tập đoàn chấp thuận tại Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20/09/2013 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20/4/2015. Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để chuyển nhượng cổ phần, dự án theo kế hoạch.
  - Đổi mới, kiện toàn và nâng cao năng lực, hiệu quả trong công tác quản lý quản trị, điều

hành hoạt động sản xuất kinh doanh từ Công ty mẹ đến các đơn vị thành viên.

- Tiếp tục kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Rà soát, tổ chức sắp xếp lại lao động nhằm mục tiêu giảm lao động gián tiếp, tăng lao động trực tiếp và phát huy trình độ, năng lực của người lao động.

- Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm thu hút cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có năng lực, am hiểu công nghệ, có kinh nghiệm nhằm xây dựng đội ngũ CBCNV đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, đặc biệt là đội ngũ làm công tác quản lý, điều hành dự án.

## 2. Công tác kinh tế, đầu tư

- Bám sát kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư của Tập đoàn và các đơn vị trực thuộc Tập đoàn để đẩy mạnh thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu đảm nhận thi công toàn bộ các công trình Dầu khí.

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy làm công tác quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu, tổ chức hợp tác, liên danh với các đơn vị khác đẩy mạnh tìm kiếm thông tin, tiếp thị đấu thầu cung cấp các dịch vụ xây lắp các dự án ngoài ngành.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung hệ thống định mức, đơn giá nội bộ, dự toán nội bộ làm cơ sở giao khoán, quyết toán các công trình đặc biệt đối với các công trình mới triển khai.

- Tăng cường công tác quản lý hợp đồng kinh tế, hạch toán kinh doanh tại từng công trình/dự án. Từ những vướng mắc, tồn tại trong quá trình triển khai các dự án và qua công tác kiểm tra, giám sát, nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc triển khai, điều hành và thực hiện

hoạt động SXKD, đảm bảo tối đa lợi nhuận thu được từ các công trình/dự án, đặc biệt chú trọng công tác quản lý hợp đồng kinh tế và phân tích hiệu quả SXKD tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

## 3. Công tác tài chính, kế toán

- Lập kế hoạch, chủ động thực hiện thu xếp, huy động các nguồn vốn đảm bảo phục vụ kịp thời cho các công trình/dự án đang thi công cũng như hoạt động SXKD của Tổng công ty trong năm 2016. Tăng cường công tác kiểm soát dòng tiền đảm bảo sử dụng đúng mục đích.

- Tính toán hiệu quả kinh tế, tiết giảm tối đa chi phí quản lý, tối đa hóa lợi nhuận tại các dự án; Xây dựng và kiểm soát chặt chẽ kế hoạch chi phí của Tổng công ty, các Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát tại các Ban điều hành, các đơn vị thành viên từ đó có những chỉ đạo cụ thể về công tác quản trị, điều hành, đảm bảo hiệu quả hoạt động SXKD. Kiện toàn bộ máy làm công tác tài chính kế toán từ công ty mẹ tới các Công ty con và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty.

- Thường xuyên rà soát lại các khoản công nợ phải thu và giá trị khối lượng dở dang tại các đơn vị. Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi công nợ nhằm đảm bảo thu hồi nguồn vốn, phục vụ cho hoạt động SXKD của PVC. Tập trung công tác thu hồi vốn tại các công trình trọng điểm như NMNĐ Vũng Áng 1, NMNĐ Thái Bình 2.

- Bám sát các cấp có thẩm quyền/ Chủ đầu tư để giải quyết các khối lượng giá trị phát sinh/ khối lượng đã thực hiện nhưng chưa được chấp nhận thanh toán tại các dự án NMNĐ



Vũng Áng 1, dự án PVTex...

#### **4. Công tác chỉ đạo, điều hành thi công tại các dự án/ công trình**

- Tập trung mọi nguồn lực triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác điều hành thi công và triển khai các dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Tăng cường công tác quản lý, điều hành, giám sát thi công trên các công trường, thường xuyên kiểm điểm tình hình thực hiện dự án, kịp thời giải quyết vướng mắc trong quá trình thi công.

- Tiếp tục triển khai thi công đảm bảo tiến độ, hoàn thành công tác bàn giao và nghiệm thu thanh quyết toán các công trình: Gói thầu Civil 6, gói thầu Building 3B dự án Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, gói thầu san lấp và xử lý nền dự án GPP Cà Mau, gói thầu xử lý nền dự án NMNĐ Sông Hậu 1,...

- Rà soát đánh giá năng lực của các đơn vị, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các đơn vị trong công tác thi công xây dựng. Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát và chỉ đạo các đơn vị trong quá trình triển khai dự án.

- Tiếp tục áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trong toàn Tổng công ty, chuẩn hóa các quy trình, quy định về quản lý, tổ chức thi công, tổ chức công trường, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân.

#### **5. Công tác đầu tư**

- Chỉ đạo quyết liệt đầu tư các vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trọng yếu của Tổng công ty, nâng cao năng lực thi công/năng lực cạnh tranh; thực hiện phân cấp tối đa cho các đơn vị trong công tác đầu tư, song vẫn tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Công ty Mẹ;

- Tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực để chiếm lĩnh tối đa các dịch vụ kỹ thuật chuyên ngành: chế tạo và thi công xây dựng các công trình biển, các công trình nhiệt điện, phong điện, đường ống bể chứa, các nhà máy xử lý khí,...;

- Đẩy mạnh tiến độ đầu tư đối với các dự án thực sự cần thiết, có hiệu quả kinh tế cao, có khả năng thu hồi vốn nhanh.

- Phối hợp với các đơn vị thành viên tích cực tìm kiếm đối tác nhằm thoái vốn đầu tư tại các dự án không đem lại hiệu quả kinh tế và các dự án không nằm trong lĩnh vực kinh doanh chính của đơn vị.

#### **6. Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực**

- Xây dựng nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp hóa thông qua việc (1) tổ chức, sắp xếp lại lao động, phân công lao động một cách khoa học, tạo sự chuyên môn hóa sâu trong lao động; (2) các hoạt động chuyên môn được quản lý, hoạt động theo quy trình, quy định, biểu mẫu khoa học và theo tiêu chuẩn quốc tế, mọi lao động phải hiểu biết chuyên sâu về các quy trình, quy định liên quan; (3) ứng dụng khoa học công nghệ vào công tác quản trị nguồn nhân lực.

- Ưu tiên đào tạo các chức danh liên quan đến lĩnh vực hoạt động chính của PVC (thiết kế, quản lý dự án, kỹ sư cơ khí và xây dựng).

- Ban hành các quy chế, xây dựng chính sách, cơ chế riêng nhằm thu hút, đãi ngộ đối với nhân lực chất lượng cao, các chuyên gia trong các lĩnh vực đấu thầu, tư vấn quản lý dự án.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch nhiệm vụ năm 2016 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 25, Tòa nhà C.E.O, Đường Phạm Hùng,  
huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014





**Deloitte.**

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015



## MỤC LỤC

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	23-24
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	25-26
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	27-28
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	29
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	30
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	31-81



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Ngọc Thăng	Chủ tịch
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)

##### Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

N  
Y  
V  
TRÁI  
D  
S

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Mạnh Tiên**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

15/03/2016  
1001  
001  
7/8  
8/1  
1/1  
1/1





Số: ~~744~~ /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)*****Vấn đề cần nhấn mạnh***

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt chuyển nhượng dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang và phê duyệt các giá trị phát sinh chưa lường hết của Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc, dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 3.026 tỷ VND. Vấn đề này ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Vũ Đức Nguyên**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 3 năm 2016  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



**Phạm Quỳnh Hoa**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0910-2013-001-1

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MÃ SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				Điều chỉnh lại
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.561.222.950.072</b>	<b>6.740.541.910.962</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>525.542.570.371</b>	<b>953.397.259.046</b>
1. Tiền	111		400.042.570.371	883.397.259.046
2. Các khoản tương đương tiền	112		125.500.000.000	70.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>99.364.960.768</b>	<b>85.751.269.600</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		201.868.065.000	246.383.353.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(158.339.452.000)	(160.632.084.200)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		55.836.347.768	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.188.236.515.346</b>	<b>3.099.511.347.370</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	790.649.294.095	967.362.015.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.112.136.275.736	2.408.884.899.497
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		43.283.031.104	43.283.031.104
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.051.585.014.870	570.557.986.665
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(809.417.100.459)	(890.576.585.227)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>3.554.629.836.553</b>	<b>2.362.862.753.367</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.554.629.836.553	2.362.862.753.367
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>193.449.067.034</b>	<b>239.019.281.579</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.647.366.445	515.609.751
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		170.544.360.584	217.246.331.823
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25	21.257.340.005	21.257.340.005
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.149.784.513.396</b>	<b>2.589.764.127.644</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>316.003.686.351</b>	<b>654.672.650.834</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	14	564.744.018.658	564.744.018.658
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	55.393.916.889	89.928.632.176
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14	(304.134.249.196)	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.438.801.468</b>	<b>44.051.263.765</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	36.091.953.215	32.861.504.720
- Nguyên giá	222		84.800.202.750	74.139.622.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.708.249.535)	(41.278.117.378)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	13.310.845.098	11.109.217.190
- Nguyên giá	225		18.676.108.182	14.253.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.365.263.084)	(3.144.532.810)
3. Tài sản cố định vô hình	227	17	36.003.155	80.541.855
- Nguyên giá	228		4.652.380.340	4.652.380.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.616.377.185)	(4.571.838.485)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>18</b>	<b>158.533.013.657</b>	<b>177.572.868.766</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.797.207.501	25.237.880.572
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		133.735.806.156	152.334.988.194
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.554.381.547.587</b>	<b>1.629.109.653.191</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	19	1.986.206.514.396	1.953.830.238.563
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	20	773.588.907.055	876.188.907.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	21	267.259.968.199	267.259.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	22	(1.472.673.842.063)	(1.468.169.460.626)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>71.427.464.333</b>	<b>84.357.691.088</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	71.427.464.333	84.357.691.088
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>8.711.007.463.468</b>	<b>9.330.306.038.606</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**

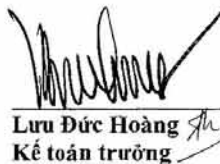
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			31/12/2015	Điều chỉnh lại
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.659.815.321.333</b>	<b>8.415.792.505.159</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.541.783.049.433</b>	<b>7.295.266.004.206</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	3.217.294.012.278	1.593.950.747.929
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	2.414.981.003.750	4.123.979.993.088
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	2.280.828.753	2.111.778.058
4. Phải trả người lao động	314		48.396.743.926	38.187.594.077
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26	372.826.343.740	331.938.604.718
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		12.000.000	4.523.664.210
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	27	427.426.132.844	1.145.910.145.879
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28	65.847.195.215	62.244.687.320
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.581.211.073)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.118.032.271.900</b>	<b>1.120.526.500.953</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	26	73.220.620.500	73.926.727.446
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		78.787.299.545	78.774.726.223
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29	960.663.265.186	961.298.506.991
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		5.361.086.669	6.526.540.293
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.051.192.142.135</b>	<b>914.513.533.447</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>30</b>	<b>1.051.192.142.135</b>	<b>914.513.533.447</b>
1. Vốn điều lệ	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. (Lỗ) lũy kế	421		(3.026.265.140.599)	(3.162.943.749.287)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.162.943.749.287)	(3.262.481.034.129)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		136.678.608.688	99.537.284.842
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>8.711.007.463.468</b>	<b>9.330.306.038.606</b>



**Vũ Thị Châm**  
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016



**Lưu Đức Hoàng**  
 Kế toán trưởng



**Nguyễn Mạnh Tiên**  
 Phó Tổng Giám đốc



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

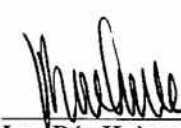
**MÃ SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	
			2015	Điều chỉnh lại
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>32</b>	<b>8.950.086.022.303</b>	<b>6.457.089.021.250</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	216.946.739	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>	<b>32</b>	<b>8.949.869.075.564</b>	<b>6.457.089.021.250</b>
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	8.673.934.056.194	6.417.549.041.073
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>275.935.019.370</b>	<b>39.539.980.177</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	124.235.168.046	116.618.145.800
7. Chi phí tài chính	22	35	(107.242.130.774)	348.023.826.278
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.399.836.136	(43.536.395.530)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	389.529.986.193	(296.632.735.978)
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)</b>	<b>30</b>		<b>117.882.331.997</b>	<b>104.767.035.677</b>
10. Thu nhập khác	31		18.905.467.094	4.569.963.961
11. Chi phí khác	32		1.274.644.027	10.965.168.420
<b>12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>17.630.823.067</b>	<b>(6.395.204.459)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>135.513.155.064</b>	<b>98.371.831.218</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	-	-
15. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.165.453.624)	(1.165.453.624)
<b>16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>136.678.608.688</b>	<b>99.537.284.842</b>

  
Vũ Thị Châm  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

  
Lưu Đức Hoàng  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Mạnh Tiên  
Phó Tổng Giám đốc



PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 03-DN**


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	
		2015	Điều chỉnh lại
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>135.513.155.064</b>	<b>98.371.831.218</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.017.136.117	9.253.329.761
Các khoản dự phòng	03	225.186.513.665	(193.963.084.510)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.874.219.677)	(917.258.008)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(34.105.922.935)	(36.400.948.905)
Chi phí lãi vay	06	6.399.836.136	(43.536.395.530)
<b>3. Lợi nhuận(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi     vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>340.136.498.370</b>	<b>(167.192.525.974)</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.007.999.095.661	129.341.237.212
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.191.326.410.115)	(1.379.697.981.044)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả)	11	(799.613.041.281)	1.813.412.723.269
Thay đổi chi phí trả trước	12	11.798.470.061	12.292.251.837
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	44.515.288.800	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.815.875.518)	(5.873.314.467)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.046.353.985	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.890.467.930)	(548.265.898.035)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(589.150.087.967)</b>	<b>(145.983.507.202)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.280.537.578)	(19.290.279.284)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.721.621.033	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(32.376.275.833)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	120.638.996.000	85.816.159.681
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.320.663.239	69.104.300.932
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>157.024.466.861</b>	<b>135.630.181.329</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	37.375.039.743	380.372.219.769
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(31.657.146.820)	(399.411.093.089)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.750.626.833)	(2.505.814.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.967.266.090</b>	<b>(21.544.687.320)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(429.158.355.016)</b>	<b>(31.898.013.193)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>953.397.259.046</b>	<b>985.295.272.239</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.208.666.341	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>525.342.570.371</b>	<b>953.397.259.046</b>

  
**Vũ Thị Châm**  
Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

  
**Lưu Đức Hoàng**  
Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Mạnh Tiên**  
Phó Tổng Giám đốc





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

## 1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 575 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 477 người).

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty gồm văn phòng và các ban điều hành, chi nhánh như sau: Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch, Ban điều hành các dự án PVC phía Nam, Ban điều hành dự án nhà máy sơ xối tổng hợp Polyester, Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc và 9 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 19 và 12 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 20.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.





## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

### Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Giả định hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.026 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 3.163 tỷ VND). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2016 và các năm tiếp theo, cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

### Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

### Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

## 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

### Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính****Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.



## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### 4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### *Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)*

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

##### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

##### *Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

##### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng năm được kiểm toán

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>2015</b>
	(Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<b>2015</b>
	(Số năm)
Phương tiện vận tải	6 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính.

*Phần mềm máy tính:* Là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM



PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ VÀ PHÂN LOẠI LẠI**

Sau khi phát hành báo cáo tài chính riêng năm 2014 của Tổng Công ty, Tổng Công ty đã nhận được Báo cáo kiểm toán Tổng Công ty năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Tổng Công ty đã điều chỉnh số kế toán và báo cáo tài chính riêng năm 2014 theo Kiểm toán Nhà nước.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của báo cáo tài chính riêng năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh và phân loại này như sau:

	Điều chỉnh hồi tố/ Phân loại lại		
	Số đã báo cáo VND	VND	Số sau điều chỉnh VND
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.312.014.852.732	(212.503.505.362)	3.099.511.347.370
Hàng tồn kho	2.460.368.764.536	(97.506.011.169)	2.362.862.753.367
Tài sản ngắn hạn khác	329.047.666.806	(90.028.385.227)	239.019.281.579
Các khoản phải thu dài hạn	-	654.672.650.834	654.672.650.834
Tài sản cố định	196.386.251.959	(152.334.988.194)	44.051.263.765
Tài sản dở dang dài hạn	-	177.572.868.766	177.572.868.766
Tài sản dài hạn khác	143.437.201.488	(143.437.201.488)	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.511.365.775.191	117.743.878.000	1.629.109.653.191
Nợ ngắn hạn	7.156.572.861.352	138.693.142.854	7.295.266.004.206
Nợ dài hạn	1.052.078.910.815	68.447.590.138	1.120.526.500.953
Vốn chủ sở hữu	867.474.960.279	47.038.573.168	914.513.533.447

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.453.223.605.152	3.865.416.098	6.457.089.021.250
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.215.004.962	2.324.975.215	39.539.980.177
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.333.258.050	47.038.573.168	98.371.831.218
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.498.711.674	47.038.573.168	99.537.284.842

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.942.182.145	2.202.710.388
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	397.100.388.226	881.194.548.658
Các khoản tương đương tiền (ii)	125.500.000.000	70.000.000.000
	<b>525.542.570.371</b>	<b>953.397.259.046</b>

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm số tiền khoảng 55 tỷ VND gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (“OceanBank”) đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản OceanBank và chuyển đổi mô hình hoạt động OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng bao gồm số dư 25,5 tỷ VND tại OceanBank đang dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>201.868.065.000</b>	<b>158.339.452.000</b>	<b>246.383.353.800</b>	<b>160.632.084.200</b>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico</i>	136.068.065.000	101.654.452.000	136.068.065.000	83.124.045.000
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)</i>	49.200.000.000	42.800.000.000	49.200.000.000	35.600.000.000
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC</i>	-	-	30.000.000.000	21.900.000.000
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)</i>	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
<i>Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (PHH)</i>	-	-	13.200.000.000	5.760.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)</i>	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sông Hồng (ICG)</i>	-	-	1.315.288.800	363.039.200
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	55.836.347.768	-	-	-

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Phải thu các bên liên quan (Trình bày tại Thuyết minh số 40)	346.278.263.269	665.267.525.786
Phải thu các bên khác	444.371.030.826	302.094.489.545
	<b>790.649.294.095</b>	<b>967.362.015.331</b>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	238.256.667.098	266.427.543.344
FLSmidth Wadgassen	174.599.500.950	174.599.500.950
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	113.089.334.990	112.839.334.990
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	16.032.830.809	246.661.731.693
Công ty Công nghiệp Daelim	-	871.808.649.161
Các đối tượng khác	570.157.941.889	736.548.139.359
	<b>1.112.136.275.736</b>	<b>2.408.884.899.497</b>

**10. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.051.585.014.870</b>	<b>570.557.986.665</b>
- Ký cược, ký quỹ	570.628.281.271	134.318.070.377
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	106.113.162.811	104.153.573.819
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	91.468.656.510	91.468.656.510
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	46.291.634.955	60.414.537.892
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (ii)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu khác	190.849.501.167	133.969.369.911
<b>b. Dài hạn</b>	<b>55.393.916.889</b>	<b>89.928.632.176</b>
- Ký cược, ký quỹ	55.393.916.889	89.928.632.176
	<b>1.106.978.931.759</b>	<b>660.486.618.841</b>

- (i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 41).
- (ii) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**11. NỢ XẤU**

Thông tin về các khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	221.227.199.179	90.732.738.886	219.191.643.621	214.894.826.418
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	201.627.102.195	27.804.372.891	222.576.074.601	215.348.220.637
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	181.337.477.840	41.572.357.416	240.436.601.302	62.346.608.816
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	155.457.024.682	18.628.629.266	148.566.746.908	33.832.487.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	133.409.071.522	71.964.870.404	132.792.425.208	92.964.790.489
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	116.380.911.198	105.354.179.110	115.767.136.834	109.695.402.667
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	25.555.543.731	909.670.604	100.552.631.134	40.057.469.070
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	69.605.577.963	3.022.782.195	78.346.624.128	13.686.180.033
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.611.264.659	23.030.048.513	60.087.416.072	43.235.929.089
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	45.492.182.308	-	45.477.848.975	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	45.198.043.065	18.383.943.809	27.778.457.351	5.127.226.246
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	44.672.654.196	1.250.162.580	94.454.967.945	11.646.894.432
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	40.000.000.000	12.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	39.213.925.313	-	39.213.925.313	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	-	28.026.673.819	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	23.575.990.000	23.575.990.000	7.072.797.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	21.715.262.039	1.759.643.754	20.249.884.832	7.080.950.445
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	16.204.792.955	7.565.449.500	5.397.007.955	-

**12. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014 (Điều chỉnh lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.293.753.138	-	2.604.492.800	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	3.552.336.083.415	-	2.360.258.260.567	-
	<b>3.554.629.836.553</b>	<b>-</b>	<b>2.362.862.753.367</b>	<b>-</b>

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (*)	3.188.588.452.314	-	2.007.068.092.417	-
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	250.567.444.291	-	291.281.091.153	-
Các công trình khác	113.180.186.810	-	61.909.076.997	-
	<b>3.552.336.083.415</b>	<b>-</b>	<b>2.360.258.260.567</b>	<b>-</b>

(\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.113.527.682	515.609.751
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	533.838.763	-
	<b>1.647.366.445</b>	<b>515.609.751</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	66.668.132.396	80.179.056.812
Chi phí dài hạn khác	4.759.331.937	4.178.634.276
	<b>71.427.464.333</b>	<b>84.357.691.088</b>

**14. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014 (Điều chỉnh lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	167.153.319.304	179.912.859.769	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	101.620.000.000	5.467.156.000	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	60.587.520.000	5.922.385.000	60.587.520.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	1.235.238.889	22.623.638.889	-
	<b>564.744.018.658</b>	<b>304.134.249.196</b>	<b>564.744.018.658</b>	<b>-</b>

Số dư phải thu các công ty về cho vay dài hạn thể hiện số tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) tiền nhận chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 và số tiền Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh theo Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 31 tháng 12 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tổng Công ty đã làm việc với các công ty này đồng thời đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu dài hạn khó đòi.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

 Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**
**MẪU SỐ B 09-DN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*
**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	30.457.632.708	2.569.357.981	27.033.459.757	14.079.171.652	74.139.622.098
Mua sắm mới	-	1.227.180.000	-	51.500.000	1.278.680.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.736.726.095	2.774.250.000	6.693.098.428	51.700.000	11.255.774.523
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.697.161.819)	(176.712.052)	(1.873.873.871)
Tại ngày 31/12/2015	32.194.358.803	6.570.787.981	32.029.396.366	14.005.659.600	84.800.202.750
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	8.355.417.031	1.896.023.992	17.380.749.627	13.645.926.728	41.278.117.378
Trích khấu hao trong năm	2.354.600.046	810.976.498	4.326.466.107	259.824.492	7.751.867.143
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(145.022.934)	(176.712.052)	(321.734.986)
Tại ngày 31/12/2015	10.710.017.077	2.707.000.490	21.562.192.800	13.729.039.168	48.708.249.535
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	21.484.341.726	3.863.787.491	10.467.203.566	276.620.432	36.091.953.215
Tại ngày 31/12/2014	22.102.215.677	673.333.989	9.652.710.130	433.244.924	32.861.504.720

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 27.755.299.327 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 17.895.577.163 VND).

**16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	14.253.750.000
Thuê mới	4.422.358.182
Tại ngày 31/12/2015	18.676.108.182
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	3.144.532.810
Trích khấu hao trong năm	2.220.730.274
Tại ngày 31/12/2015	5.365.263.084
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2015	13.310.845.098
Tại ngày 31/12/2014	11.109.217.190



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	30.457.632.708	2.569.357.981	27.033.459.757	14.079.171.652	74.139.622.098
Mua sắm mới	-	1.227.180.000	-	51.500.000	1.278.680.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.736.726.095	2.774.250.000	6.693.098.428	51.700.000	11.255.774.523
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.697.161.819)	(176.712.052)	(1.873.873.871)
Tại ngày 31/12/2015	32.194.358.803	6.570.787.981	32.029.396.366	14.005.659.600	84.800.202.750
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	8.355.417.031	1.896.023.992	17.380.749.627	13.645.926.728	41.278.117.378
Trích khấu hao trong năm	2.354.600.046	810.976.498	4.326.466.107	259.824.492	7.751.867.143
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(145.022.934)	(176.712.052)	(321.734.986)
Tại ngày 31/12/2015	10.710.017.077	2.707.000.490	21.562.192.800	13.729.039.168	48.708.249.535
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	21.484.341.726	3.863.787.491	10.467.203.566	276.620.432	36.091.953.215
Tại ngày 31/12/2014	22.102.215.677	673.333.989	9.652.710.130	433.244.924	32.861.504.720

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 27.755.299.327 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 17.895.577.163 VND).

**16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	14.253.750.000
Thuê mới	4.422.358.182
Tại ngày 31/12/2015	18.676.108.182
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	3.144.532.810
Trích khấu hao trong năm	2.220.730.274
Tại ngày 31/12/2015	5.365.263.084
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2015	13.310.845.098
Tại ngày 31/12/2014	11.109.217.190

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**17. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	<b>4.652.380.340</b>
Tại ngày 31/12/2015	<b>4.652.380.340</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	<b>4.571.838.485</b>
Trích khấu hao trong năm	44.538.700
Tại ngày 31/12/2015	<b>4.616.377.185</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2015	<b>36.003.155</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>80.541.855</b>

**18. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1	27.859.273.633	14.016.684.459	29.153.994.531	14.457.357.530
Dự án nhà máy Xơ sợi Polyester	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	13.780.083.636	-	13.780.083.636	-
Các công trình khác	11.436.734.433	1.618.216.162	11.436.734.433	1.618.216.162
<b>Cộng</b>	<b>78.835.416.914</b>	<b>24.797.207.501</b>	<b>80.130.137.812</b>	<b>25.237.880.572</b>

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
<b>b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>		
- Xây dựng cơ bản	133.735.806.156	152.334.988.194
Trong đó:		
<i>Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (i)</i>	<i>127.302.717.186</i>	<i>126.934.364.601</i>
<i>Dự án Tháp Dầu khí</i>	<i>-</i>	<i>12.524.271.679</i>
<i>Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí</i>	<i>3.883.984.985</i>	<i>3.883.984.985</i>
<i>Các công trình khác</i>	<i>2.549.103.985</i>	<i>8.992.366.929</i>
	<b>133.735.806.156</b>	<b>152.334.988.194</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**18. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(i) Thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (“Dự án”) do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN (“Quyết định 7089/QĐ-DKVN”). Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện dự án. Ngày 09 tháng 01 năm 2014, PVN đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-DKVN về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời, ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN ban hành Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại dự án từ Tổng Công ty.

Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến các sự kiện trên.

**19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2015 VND	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Thành phố Hồ Chí Minh	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	253.851.110.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	203.793.940.000	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn) (ii)	Quảng Ngãi	200.000.000.000	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

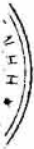
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính.
- (ii) Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC Phú Đạt) đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn).

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Thành viên PVN, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở tổ chức lại PVC Phú Đạt - nay là PVC Bình Sơn), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các quyết định nêu trên.

Theo Quyết định số 569/QĐ-XLKD ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2016.







## TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

## 20. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2015 VND	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	-	2.600.000.000	0%	0%	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG	Hà Nội	-	100.000.000.000	0%	0%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	55.000.000.000	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.848.907.055	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	63.900.000.000	63.900.000.000	35%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (i)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
10	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
14	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	73.500.000.000	73.500.000.000	49%	49%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			<b>773.588.907.055</b>	<b>876.188.907.055</b>			

(i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày tương ứng là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-ĐN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT	Đầu tư dài hạn khác	31/12/2015		31/12/2014	
		VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	VND	Tỷ lệ phần sở hữu %
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	15%	48.700.000.000	15%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.200.000.000	13%	10.200.000.000	13%
7	Các khoản đầu tư dài hạn khác	8.295.000.000		8.295.000.000	
		<b>267.259.968.199</b>		<b>267.259.968.199</b>	

**22. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	638.055.178.813	680.367.722.856
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết	660.726.153.839	627.092.976.754
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	173.892.509.411	160.708.761.016
	<b>1.472.673.842.063</b>	<b>1.468.169.460.626</b>

**23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Giá gốc/số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.926.217.551.948	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	176.179.097.064
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	104.261.899.153	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	102.421.562.484	56.150.054.640
Tập đoàn Sojitz	132.816.313.904	663.431.733.594
Các khoản khác	774.514.102.872	698.189.862.631
	<b>3.217.294.012.278</b>	<b>1.593.950.747.929</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)	601.436.216.971	398.279.951.304



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong năm		31/12/2015
	Điều chỉnh lại	Số phải thu/phải nộp	Số đã thu/đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Các loại thuế khác	783.720	93.185.498	93.185.498	783.720
<b>Cộng</b>	<b>21.257.340.005</b>	<b>93.185.498</b>	<b>93.185.498</b>	<b>21.257.340.005</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	290.994.300	29.319.942.398	29.536.502.481	74.434.217
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	636.429.482.944	636.429.482.944	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.965.318.462	4.965.318.462	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.820.783.758	10.278.116.751	9.892.505.973	2.206.394.536
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	15.451.944.581	15.451.944.581	-
<b>Cộng</b>	<b>2.111.778.058</b>	<b>696.444.805.136</b>	<b>696.275.754.441</b>	<b>2.280.828.753</b>

**26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	31/12/2014
	Điều chỉnh lại	Điều chỉnh lại
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>372.826.343.740</b>	<b>331.938.604.718</b>
Trích trước chi phí của các công trình xây dựng	368.248.077.175	316.044.737.763
Chi phí phải trả khác	4.578.266.565	15.893.866.955
<b>b) Dài hạn</b>	<b>73.220.620.500</b>	<b>73.926.727.446</b>
Trích trước chi phí của các công trình xây dựng	73.220.620.500	73.926.727.446
	<b>446.046.964.240</b>	<b>405.865.332.164</b>

**27. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	Điều chỉnh lại	Điều chỉnh lại
	VND	VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	237.855.091.994	412.955.201.420
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	86.167.577.950	76.281.343.205
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	54.038.464.510	54.159.860.510
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (iii)	5.533.782.157	5.533.782.157
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí -PTSC	-	193.751.441.596
Sở Tài chính Hà Nội	-	41.405.472.584
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	15.030.542.964
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	43.831.216.233	346.792.501.443
	<b>427.426.132.844</b>	<b>1.145.910.145.879</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

 Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**
**MẪU SỐ B 09-DN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*
**27. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

(i) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty khác theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 29.

(ii) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) chủ yếu bao gồm số tiền khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền PVN hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(iii) Thể hiện lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long như trình bày tại Thuyết minh số 28.

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong kỳ		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>40.700.000.000</b>	<b>40.700.000.000</b>	<b>34.608.767.015</b>	<b>12.618.273.500</b>	<b>62.690.493.515</b>	<b>62.690.493.515</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (i)	40.700.000.000	40.700.000.000	-	-	40.700.000.000	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	-	-	34.608.767.015	12.618.273.500	21.990.493.515	21.990.493.515
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>19.038.873.320</b>	<b>19.038.873.320</b>	<b>-</b>	<b>19.038.873.320</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương	19.038.873.320	19.038.873.320	-	19.038.873.320	-	-
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>2.505.814.000</b>	<b>2.505.814.000</b>	<b>3.401.514.533</b>	<b>2.750.626.833</b>	<b>3.156.701.700</b>	<b>3.156.701.700</b>
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	2.505.814.000	2.505.814.000	3.401.514.533	2.750.626.833	3.156.701.700	3.156.701.700
<b>Cộng</b>	<b>62.244.687.320</b>	<b>62.244.687.320</b>	<b>38.010.281.548</b>	<b>34.407.773.653</b>	<b>65.847.195.215</b>	<b>65.847.195.215</b>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2015/2084/729/HĐTD ngày 21 tháng 9 năm 2015 giữa BIDV - Chi nhánh Hà Tây với Tổng Công ty. Hạn mức của hợp đồng vay này là 1.000 tỷ VND bao gồm dư nợ, dư bảo lãnh và dư mở L/C gồm cả VND, ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 200 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh thông thường là 800 tỷ VND. Tài sản đảm bảo được hai bên thống nhất theo từng khế ước vay. Lãi suất khoản vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2016.

**29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn (i)	974.072.855.303	974.072.855.303	-	19.038.873.320	955.033.981.983	955.033.981.983
Nợ thuê tài chính dài hạn	8.770.339.008	8.770.339.008	2.766.272.728	2.750.626.833	8.785.984.903	8.785.984.903
<b>Cộng</b>	<b>982.843.194.311</b>	<b>982.843.194.311</b>	<b>2.766.272.728</b>	<b>21.789.500.153</b>	<b>963.819.966.886</b>	<b>963.819.966.886</b>
<b>Trong đó:</b>						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	21.544.687.320				3.156.701.700	
Số phải trả sau 12 tháng	961.298.506.991				960.663.265.186	

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>		
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	-	19.038.873.320
	<b>955.033.981.983</b>	<b>974.072.855.303</b>

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Ocean Bank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ocean Bank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) tại Ocean Bank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Ocean Bank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	19.038.873.320
Trong năm thứ hai	955.033.981.983	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	955.033.981.983
	<b>955.033.981.983</b>	<b>974.072.855.303</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	-	19.038.873.320
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>955.033.981.983</b>	<b>955.033.981.983</b>

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.156.701.700	2.505.814.000
Trong năm thứ hai	4.409.598.708	2.505.814.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.219.684.495	3.758.711.008
	<b>8.785.984.903</b>	<b>8.770.339.008</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng <i>(được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)</i>	3.156.701.700	2.505.814.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.629.283.203</b>	<b>6.264.525.008</b>

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	(Lỗ) lũy kế Điều chỉnh lại	Công
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	4.000.000.000.000	(29.710.000)	35.731.619.459	41.255.373.275	500.000.000	(3.262.481.034.129)	814.976.248.605
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	99.537.284.842	99.537.284.842
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.000.000.000.000	(29.710.000)	35.731.619.459	41.255.373.275	500.000.000	(3.162.943.749.287)	914.513.533.447
Thay đổi do áp dụng TT 200	-	-	41.255.373.275	(41.255.373.275)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	-	500.000.000	(3.162.943.749.287)	914.513.533.447
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	136.678.608.688	136.678.608.688
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	-	500.000.000	(3.026.265.140.599)	1.051.192.142.135

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp tại ngày			
	31/12/2015	%	31/12/2014	%
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.181.733.330.000	54,54
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.818.266.670.000	45,46
	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>



**TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Cổ phiếu**

	31/12/2015	31/12/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**31. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị tính	31/12/2015	31/12/2014
<b>Ngoại tệ các loại</b>			
Đô la Mỹ (USD)	USD	26.543.260	33.622.465
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233

**32. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu hoạt động xây lắp	8.886.788.441.782	6.413.458.699.663
Doanh thu bán hàng	26.223.270.979	-
Kinh doanh nhà và hạ tầng	21.565.110.030	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.509.199.512	43.630.321.587
	<b>8.950.086.022.303</b>	<b>6.457.089.021.250</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	(216.946.739)	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.949.869.075.564</b>	<b>6.457.089.021.250</b>

**33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	2015	2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	8.610.710.308.423	6.371.671.963.273
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.556.542.861	-
Kinh doanh nhà và hạ tầng	21.339.846.393	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.327.358.517	45.877.077.200
	<b>8.673.934.056.194</b>	<b>6.417.549.041.073</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	9.453.286.435	16.614.695.080
Lãi chuyển nhượng cổ phần	800.000.000	7.540.300.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.328.929.300	43.471.150.050
Lãi chênh lệch tỷ giá	63.628.713.269	39.800.526.383
Doanh thu hoạt động tài chính khác	24.239.042	9.191.474.287
	<b>124.235.168.046</b>	<b>116.618.145.800</b>

**35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại VND</b>
Chi phí lãi vay	6.399.836.136	(43.536.395.530)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.211.749.237	239.391.065.995
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	26.476.292.800	31.225.196.225
(Hoàn nhập)/dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	(175.100.109.426)	79.916.378.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.750.056.169	38.916.621.683
Chi phí tài chính khác	2.020.044.310	2.110.959.623
	<b>(107.242.130.774)</b>	<b>348.023.826.278</b>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm 2015, một số tổ chức tín dụng đã đồng ý giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền khoảng 175 tỷ VND.

**36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại VND</b>
Chi phí dự phòng	223.300.177.815	(429.853.117.142)
Chi phí lương	105.814.868.988	82.834.868.461
Chi phí vật liệu quản lý	1.531.676.692	2.099.398.410
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.875.074.647	77.574.387
Chi phí khấu hao	5.137.282.186	5.709.284.741
Thuế, phí, lệ phí	925.376.571	723.148.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.724.763.782	24.864.862.939
Chi phí khác bằng tiền	27.220.765.512	16.911.244.136
	<b>389.529.986.193</b>	<b>(296.632.735.978)</b>

**37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.644.755.049.248	5.500.871.691.982
Chi phí nhân công	158.389.574.019	134.634.680.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.017.136.117	12.362.927.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.192.597.950.667	2.334.281.240.319
Chi phí dự phòng	222.120.716.601	(429.364.150.504)
Chi phí khác bằng tiền	27.220.765.512	17.491.534.028
	<b>10.255.101.192.164</b>	<b>7.570.277.923.936</b>





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại</b>
		<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>135.513.155.064</b>	<b>98.371.831.218</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(242.966.435.664)	(169.819.542.677)
Cộng:	7.651.648.084	225.002.515.283
- Trích bổ sung dự phòng bảo lãnh	-	206.264.770.907
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	5.827.268.112	5.827.268.112
- Chi phí không được khấu trừ	1.824.379.972	12.910.476.264
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(99.801.632.516)</b>	<b>153.554.803.824</b>
Lỗi được kết chuyển	-	(153.554.803.824)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất hiện hành	22%	22%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 28 và Thuyết minh số 29 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.026.510.460.401	1.023.543.194.311
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	525.542.570.371	953.397.259.046
Nợ thuần	500.967.890.030	70.145.935.265
Vốn chủ sở hữu	1.051.192.142.135	914.513.533.447
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,48</b>	<b>0,08</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

 Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**
**MẪU SỐ B 09-DN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*
**39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**
**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	525.542.570.371	953.397.259.046
Đầu tư tài chính	192.732.419.556	192.302.476.783
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	1.345.812.291.006	1.284.884.560.815
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.064.087.280.933</b>	<b>2.430.584.296.644</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.026.510.460.401	1.023.543.194.311
Phải trả người bán và phải trả khác	3.643.996.802.430	2.739.642.300.252
Chi phí phải trả	446.046.964.240	405.865.332.164
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.116.554.227.071</b>	<b>4.169.050.826.727</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá toàn bộ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	266.540.870.933	1.529.509.081.036	595.896.184.802	718.848.301.700



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	32.935.531.387	(81.066.077.934)

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp. Toàn bộ các khoản vay của Tổng Công ty được thực hiện theo hình thức vay với lãi suất cố định.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ (giảm)/tăng với số tiền tương ứng như sau:

	<u>Tăng/(Giảm)</u>	<u>Ảnh hưởng đến lợi</u>
	<u>số điểm cơ bản</u>	<u>nhuận trước thuế</u>
		VND
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015		
VND	+200	(615.529.568)
VND	-200	615.529.568
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(556.184.247)
VND	-200	556.184.247

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, Quyết định số 569/QĐ-XLDK ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2016 (như trình bày tại Thuyết minh số 42).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	525.542.570.371	-	525.542.570.371
Đầu tư tài chính	99.364.960.768	93.367.458.788	192.732.419.556
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	1.029.808.604.655	316.003.686.351	1.345.812.291.006
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.654.716.135.794</b>	<b>409.371.145.139</b>	<b>2.064.087.280.933</b>

31/12/2015	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	65.847.195.215	960.663.265.186	1.026.510.460.401
Phải trả người bán và phải trả khác	3.643.996.802.430	-	3.643.996.802.430
Chi phí phải trả	372.826.343.740	73.220.620.500	446.046.964.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.082.670.341.385</b>	<b>1.033.883.885.686</b>	<b>5.116.554.227.071</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.427.954.205.591)</b>	<b>(624.512.740.547)</b>	<b>(3.052.466.946.138)</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	525.542.570.371	-	525.542.570.371
Đầu tư tài chính	99.364.960.768	93.367.458.788	192.732.419.556
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	1.029.808.604.655	316.003.686.351	1.345.812.291.006
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.654.716.135.794</b>	<b>409.371.145.139</b>	<b>2.064.087.280.933</b>

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuế tài chính	65.847.195.215	960.663.265.186	1.026.510.460.401
Phải trả người bán và phải trả khác	3.643.996.802.430	-	3.643.996.802.430
Chi phí phải trả	372.826.343.740	73.220.620.500	446.046.964.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.082.670.341.385</b>	<b>1.033.883.885.686</b>	<b>5.116.554.227.071</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.427.954.205.591)</b>	<b>(624.512.740.547)</b>	<b>(3.052.466.946.138)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	953.397.259.046	-	953.397.259.046
Đầu tư tài chính	-	192.302.476.783	192.302.476.783
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	630.211.909.981	654.672.650.834	1.284.884.560.815
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.583.609.169.027</b>	<b>846.975.127.617</b>	<b>2.430.584.296.644</b>
31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	62.244.687.320	961.298.506.991	1.023.543.194.311
Phải trả người bán và phải trả khác	2.739.642.300.252	-	2.739.642.300.252
Chi phí phải trả	331.938.604.718	73.926.727.446	405.865.332.164
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.133.825.592.290</b>	<b>1.035.225.234.437</b>	<b>4.169.050.826.727</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(1.550.216.423.263)</b>	<b>(188.250.106.820)</b>	<b>(1.738.466.530.083)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

**40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu trong năm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Viện Dầu khí Việt Nam - PVN	Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Dầu khí (PVE)	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	Cùng Tập đoàn
Ban Quản lý nhà máy xử lý khí Cà Mau - PVN	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Công ty con
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Công ty liên kết



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>8.206.177.814.114</b>	<b>5.344.240.098.130</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	7.619.122.533.980	5.068.718.565.626
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn - PVN	110.218.799.603	13.286.135.107
Viện Dầu khí Việt Nam - PVN	167.977.495.051	224.979.026.680
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	21.075.009.068	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	6.494.287.934	2.585.641.541
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	1.361.482.244	1.091.189.244
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	748.708.738	3.163.180.230
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	1.581.266.615	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	-	29.358.287.795
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	-	604.512.100
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	2.659.468.397	453.559.807
Ban Quản lý dự án điện lực Dầu khí Sông Hậu I	73.863.452.375	-
BQL dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau	199.638.097.298	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	1.437.212.811	-
<b>Mua hàng</b>	<b>1.117.173.280.678</b>	<b>1.056.831.277.141</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	492.010.475.889	324.591.604.627
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	271.750.817.931	171.142.514.573
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	88.886.222.473	-
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	58.353.732.080	20.906.349.050
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	155.214.020.622	78.917.729.468
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	1.722.891.207	263.172.000.240
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	45.663.186.508	2.980.110.323
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	-	2.596.151.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	3.271.333.906	29.286.722.200
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	300.600.062	2.445.239.610
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	-	8.071.730.350
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	-	142.094.745.980
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn	-	7.821.841.600
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	-	2.804.537.960
<b>Cổ tức được nhận trong năm</b>	<b>50.328.929.300</b>	<b>41.005.022.050</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	33.133.244.300	39.505.022.050
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	15.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản dầu khí (Petrowaco)	395.685.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>7.322.505.000</b>	<b>5.514.318.000</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>346.278.263.269</b>	<b>665.267.525.786</b>
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn - PVN	29.874.704.215	361.813.628.398
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	93.745.194.564	94.661.420.412
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	87.423.358.457	87.784.608.610
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	27.233.107.690	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	22.953.353.130	24.290.046.982
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	6.993.959.814	10.518.148.406
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	9.446.793.928	38.108.793.004
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	5.100.960.838	290.654.055
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	3.698.220.476	3.698.220.476
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCbank)	2.000.000.002	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	1.502.275.671	27.558.926
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	12.375.000	636.039.038
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất - PVN	-	2.471.275.614
Ban Quản lý Dự án Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau - PVN	987.236	987.236
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	1.070.333.328	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu I	14.604.529.042	-
Công ty cổ phần ĐT và TM dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	88.473.000	88.473.000
Ban Quản lý nhà máy xử lý khí Cà Mau - PVN	28.885.072.939	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>240.703.297.853</b>	<b>218.477.117.500</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	21.714.242.426	41.644.005.807
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	21.227.199.179	19.191.643.621
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	43.986.190.153	37.969.543.839
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	42.451.575.400	39.522.897.671
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	1.828.999.031	1.711.415.439
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	23.972.151.850	25.399.278.480
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	16.204.792.955	16.204.792.025
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCbank)	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (PVC-PT)	-	10.072.903.867
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	6.840.056.555	4.832.243.987
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	2.008.154.052	2.068.154.052
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	41.548.634.340	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	61.063.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	-	1.000.000.000
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>324.533.720.891</b>	<b>464.884.003.270</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	113.089.334.990	112.839.334.990
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	88.393.173.633	106.399.634.923
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	37.298.173.399	42.990.348.195
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	43.274.545.062	43.268.715.063
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	13.430.927.135	13.430.927.135
Công ty Cổ phần Xây lắp đầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	11.111.827.917	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	4.373.377.519	114.483.827.972
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (PVC-PT)	1.024.943.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	3.210.851.474	27.387.208.976
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	194.000.078	194.000.078
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	-	1.190.005.938
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	3.485.390.491	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	947.175.792	-





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>346.278.263.269</b>	<b>665.267.525.786</b>
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn - PVN	29.874.704.215	361.813.628.398
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	93.745.194.564	94.661.420.412
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	87.423.358.457	87.784.608.610
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	27.233.107.690	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	22.953.353.130	24.290.046.982
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	6.993.959.814	10.518.148.406
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	9.446.793.928	38.108.793.004
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	5.100.960.838	290.654.055
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	3.698.220.476	3.698.220.476
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PComBank)	2.000.000.002	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	1.502.275.671	27.558.926
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	12.375.000	636.039.038
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất - PVN	-	2.471.275.614
Ban Quản lý Dự án Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau - PVN	987.236	987.236
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	1.070.333.328	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu I	14.604.529.042	-
Công ty cổ phần ĐT và TM dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	88.473.000	88.473.000
Ban Quản lý nhà máy xử lý khí Cà Mau - PVN	28.885.072.939	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>240.703.297.853</b>	<b>218.477.117.500</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	21.714.242.426	41.644.005.807
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	21.227.199.179	19.191.643.621
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	43.986.190.153	37.969.543.839
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	42.451.575.400	39.522.897.671
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	1.828.999.031	1.711.415.439
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	23.972.151.850	25.399.278.480
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	16.204.792.955	16.204.792.025
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PComBank)	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí (PVC-PT)	-	10.072.903.867
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	6.840.056.555	4.832.243.987
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	2.008.154.052	2.068.154.052
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	41.548.634.340	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	61.063.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	-	1.000.000.000
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>324.533.720.891</b>	<b>464.884.003.270</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	113.089.334.990	112.839.334.990
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	88.393.173.633	106.399.634.923
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	37.298.173.399	42.990.348.195
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	43.274.545.062	43.268.715.063
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	13.430.927.135	13.430.927.135
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	11.111.827.917	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	4.373.377.519	114.483.827.972
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí (PVC-PT)	1.024.943.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	3.210.851.474	27.387.208.976
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	194.000.078	194.000.078
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	-	1.190.005.938
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô (PVC-Đồng Đô)	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	3.485.390.491	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	947.175.792	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau (Tiếp theo):

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>2.329.869.034.451</b>	<b>3.857.575.307.103</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	2.225.124.854.959	3.836.621.594.448
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau - PV Gas	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	7.918.751.144	7.918.751.144
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	5.456.975.849	5.456.975.849
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	4.795.814.624	4.795.814.624
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn - PVN	2.797.950.955	2.782.171.038
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC MT)	169.639.222	-
Viện Dầu khí Việt Nam - PVN	826.571.799	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>601.436.216.971</b>	<b>398.279.951.304</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	177.062.581.917	176.179.097.064
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	104.261.899.153	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	102.421.562.484	56.150.054.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	68.835.238.630	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	57.052.777.229	56.895.141.646
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	17.421.403.045	67.720.110.222
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	3.392.727.861	11.621.832.468
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	16.467.763.295	9.785.963.295
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	20.856.195.934	5.197.378.065
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	4.896.025.676	4.873.828.556
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	21.838.639.716	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	-	2.855.766.278
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	2.510.406.030	2.509.561.230
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	1.713.136.364	1.564.963.164
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	-	707.746.640
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên Hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	1.987.351.601	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC (PVC Petroland)	718.508.036	718.508.036
<b>Phải trả phải nộp khác</b>	<b>73.681.601.288</b>	<b>68.068.151.909</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.038.464.510	54.159.860.510
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC ME)	3.006.898.799	3.021.145.139
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC MT)	2.323.270.653	3.730.662.596
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCComBank)	14.312.967.326	7.156.483.664
<b>Các khoản cho vay ngắn hạn</b>	<b>28.835.361.369</b>	<b>28.835.361.369</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC (PVC Petroland)	28.835.361.369	28.835.361.369
<b>Các khoản cho vay dài hạn</b>	<b>463.124.018.658</b>	<b>463.124.018.658</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC (PVC Petroland)	60.587.520.000	60.587.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	179.912.859.769
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	200.000.000.000
Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	22.623.638.889	22.623.638.889



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**41. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dự nợ bảo lãnh tại ngày 31/12/2015	Dự nợ vay quá hạn	Dự phòng nghĩa vụ
				tại ngày 31/12/2015	nợ phải trả tại ngày 31/12/2015
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	99.912.312.503
<b>Tổng cộng</b>			<b>237.855.091.994</b>	<b>237.855.091.994</b>	<b>237.855.091.994</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Trong năm 2015, một số tổ chức tín dụng đã đồng ý giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền khoảng 175 tỷ VND. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND. Ngoài ra, các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 238 tỷ VND. Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá và thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả đối với số dư nợ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến vấn đề này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó, báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 07 tháng 01 năm 2015, PVN đã có công văn số 091/DKVN-HDTV gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Bộ Công thương đã có báo cáo số 12839/BCT-TCNL báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 của Dự án. Ngày 12 tháng 01 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 71/TTg-KTN đồng ý với kiến nghị của Bộ Công thương tại báo cáo số 12839/BCT-TCNL ngày 16 tháng 12 năm 2015 và giao Bộ Công thương chỉ đạo PVN rà soát lại chi phí đầu tư trước khi phê duyệt điều chỉnh hợp đồng EPC. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được điều chỉnh trong tương lai sẽ cao hơn giá trị hợp đồng Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**


Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Thành viên PVN, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở tổ chức lại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC - Phú Đạt)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này).

Giai đoạn sau năm 2015, Tổng Công ty chỉ còn 5 công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các quyết định nêu trên.


**43. SỐ LIỆU SO SÁNH**


Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm trước đã được điều chỉnh hồi tố và phân loại lại theo Thông tư 200 và Báo cáo kiểm toán Tổng Công ty năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước ký ngày 10 tháng 3 năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 5.

  
Vũ Thị Châm  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

  
Lưu Đức Hoàng  
Kế toán trưởng

  
Nguyễn Mạnh Tiến  
Phó Tổng Giám đốc



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**28. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)**

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty hoạt động trên địa bàn miền Bắc, miền Trung và miền Nam Việt Nam. Hoạt động xây lắp được thực hiện trên cả 3 miền.

Dưới đây là phân tích doanh thu thuần của Tổng Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ.

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Miền Bắc	6.512.920.289.709	2.506.199.863.548
Miền Trung	5.421.666.524	83.538.877.442
Miền Nam	3.137.009.698.442	2.735.096.345.745
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(727.368.224.999)	(362.786.918.012)
	<u><b>8.927.983.429.676</b></u>	<u><b>4.962.048.168.723</b></u>

Dưới đây là phân tích về giá trị còn lại của các tài sản bộ phận, tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình theo khu vực địa lý, nơi đặt các tài sản đó.

	<u>Giá trị còn lại của tài sản bộ phận</u>		<u>Tăng tài sản cố định hữu hình và vô hình</u>	
	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND	VND	VND
Miền Bắc	10.270.614.747.273	12.924.155.848.794	4.924.470.831	83.358.743.540
Miền Trung	-	395.903.103.942	-	222.000.000
Miền Nam	6.663.953.245.586	6.557.259.115.758	54.362.048.485	126.633.379.133
Loại trừ trên Báo cáo tài chính hợp nhất	(1.855.338.596.860)	(3.361.658.642.211)	-	-
	<u><b>15.079.229.395.999</b></u>	<u><b>16.515.659.426.283</b></u>	<u><b>59.286.519.316</b></u>	<u><b>210.214.122.673</b></u>

**29. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	8.600.212.692.336	4.016.648.705.074
Hoạt động kinh doanh bất động sản và hạ tầng	148.176.811.122	560.125.590.695
Hoạt động dịch vụ	118.421.361.556	188.059.719.099
Hoạt động tư vấn xây dựng	2.880.197.401	4.502.089.512
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	20.941.655.183	95.365.169.624
Hoạt động khác	37.350.712.078	97.346.894.719
	<u><b>8.927.983.429.676</b></u>	<u><b>4.962.048.168.723</b></u>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hoạt động xây lắp	8.249.393.517.128	3.898.760.432.043
Hoạt động kinh doanh bất động sản và hạ tầng	130.741.331.828	583.079.524.245
Hoạt động dịch vụ	113.351.019.102	129.293.572.428
Hoạt động tư vấn xây dựng	7.223.467.439	7.950.944.839
Hoạt động cung cấp vật tư, thiết bị	27.836.742.726	161.233.465.645
Hoạt động khác	22.290.923.720	127.463.708.328
	<b>8.550.837.001.943</b>	<b>4.907.781.647.528</b>

**31. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thanh lý/mất quyền kiểm soát tại công ty con (*)	410.633.868.951	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	40.500.487.983	26.305.023.834
Lãi tiền gửi, ký quỹ ngân hàng	21.449.114.044	30.293.922.960
Lãi chuyển nhượng cổ phần	23.408.965.890	6.829.692.818
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.966.128.000	5.386.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.713.194.457	4.468.877.151
	<b>505.671.759.325</b>	<b>73.283.516.763</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Tổng Công ty không còn nắm quyền kiểm soát đối với Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội, Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa.

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay (i)	131.442.443.218	454.402.187.209
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (ii)	(46.029.166.027)	216.935.063.318
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	161.784.752.927	67.598.108.120
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	24.752.563.225	62.170.878.694
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.250.399.184	770.309.109
Chi phí tài chính khác	727.438.024	9.602.595.998
	<b>311.928.430.551</b>	<b>811.479.142.448</b>

(i) Như trình bày tại Thuyết minh số 21 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, thời điểm thanh toán các khoản vay tại OceanBank đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và áp dụng lãi suất 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Theo đó, Tổng Công ty đã tính lại chi phí lãi vay chênh lệch do áp dụng lãi suất mới của các khoản vay tại OceanBank và điều chỉnh chi phí lãi vay trong năm.

113  
 NG  
 Y L  
 VII  
 113

113  
 NG  
 Y L  
 VII  
 113

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**32. CHI PHÍ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(ii) Như trình bày tại Thuyết minh số 38 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm 2014, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá một số nghĩa vụ bảo lãnh đã có sự thay đổi. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 46 tỷ VND.

**33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.611.220.898.658	1.413.728.058.926
Chi phí nhân công	749.532.850.234	547.671.091.484
Chi phí khấu hao tài sản cố định	119.770.854.711	208.428.977.253
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.479.658.604.812	3.211.536.138.175
Chi phí dự phòng	307.056.737.121	1.095.413.833.873
Chi phí thuê ngoài và bằng tiền khác	500.504.437.564	297.737.187.041
	<b>10.767.744.383.100</b>	<b>6.774.515.286.752</b>

**34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế</b>	<b>47.232.725.144</b>	<b>(2.158.742.984.414)</b>
<b>Trừ:</b>		
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(53.483.329.027)</i>	<i>(38.693.610.639)</i>
<i>Lỗ từ các năm trước mang sang</i>	<i>(11.875.825.108)</i>	<i>(4.453.351.966)</i>
<b>Cộng:</b>		
<i>Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang</i>	<i>5.827.268.112</i>	<i>5.827.268.119</i>
<i>Các khoản chi phí không được khấu trừ trong năm</i>	<i>83.904.640.777</i>	<i>97.338.102.256</i>
<i>Các khoản dự phòng</i>	<i>-</i>	<i>220.407.327.393</i>
<b>Thu nhập ròng chịu thuế</b>	<b>71.605.479.898</b>	<b>(1.878.317.249.251)</b>
- Lỗ	(132.159.034.579)	(1.992.097.033.467)
- Thu nhập chịu thuế	203.764.514.477	113.779.784.216
Thuế suất (*)	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	44.828.193.185	28.444.946.054
Cộng: Thuế TNDN nộp bổ sung theo quyết toán thuế năm trước	466.498.300	2.507.676.357
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>45.294.691.485</b>	<b>30.952.622.411</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(8.374.498.414)	38.655.163.497
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>36.920.193.071</b>	<b>69.607.785.908</b>

(\*) Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2014 theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế (năm 2013 là 25%).

TỔNG CÔNG TY XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG KIỂM TOÁN





**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**35. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Đơn vị</u>	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND	15.433.995.015	(1.622.731.666.594)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	Cổ phiếu	399.997.029	399.997.029
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	VND	39	(4.057)
Mệnh giá trên mỗi cổ phiếu	VND	10.000	10.000

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 21 và 26 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ lỗ lũy kế).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	2.481.513.737.054	3.497.953.476.223
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	1.765.815.383.424	1.597.774.161.145
Nợ thuần	715.698.353.630	1.900.179.315.078
Vốn chủ sở hữu	1.113.295.156.342	1.081.194.933.441
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,64</b>	<b>1,76</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

22/11/2015  
 NG  
 CỔ  
 DẦU  
 NA

PVC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.765.815.383.424	1.597.774.161.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.661.812.369.307	1.319.649.317.026
Đầu tư ngắn hạn	124.083.969.545	47.219.783.066
Đầu tư dài hạn	357.473.197.820	601.296.596.778
Các khoản ký quỹ	238.054.035.879	1.044.388.658.613
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.147.238.955.975</b>	<b>4.610.328.516.628</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	2.481.513.737.054	3.497.953.476.223
Phải trả người bán và phải trả khác	3.710.185.625.517	2.724.146.247.059
Chi phí phải trả	760.991.848.577	839.266.656.590
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.952.691.211.148</b>	<b>7.061.366.379.872</b>

Tổng Công ty chưa thực hiện đánh giá toàn bộ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro tỷ giá (Tiếp theo)*

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	1.556.376.114.410	99.011.744.800	840.666.486.045	1.475.220.360.217
Euro (EUR)	-	3.687.581.313	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ và Đồng Euro.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/(giảm) 10% thì lợi nhuận trước thuế trong năm 2014 và (lỗ) trước thuế trong năm 2013 của Tổng Công ty sẽ (giảm)/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(71.570.962.836)	(137.620.861.542)
Euro (EUR)	-	368.758.131

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ (giảm)/tăng và lỗ trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 sẽ tăng/(giảm) với số tiền tương ứng như sau:

	Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận/(lỗ) trước thuế VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	200	(29.715.595.101)
VND	(200)	29.715.595.101
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	50.044.389.885
VND	(200)	(50.044.389.885)

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MÀU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, Quyết định số 967/QĐ-XLTK ngày 31 tháng 10 năm 2014, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2015 (Như trình bày tại Thuyết minh số 39).

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 37.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.765.815.383.424	-	1.765.815.383.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.487.730.417.888	174.081.951.419	1.661.812.369.307
Đầu tư tài chính	124.083.969.545	357.473.197.820	481.557.167.365
Các khoản ký quỹ	84.172.050.431	153.881.985.448	238.054.035.879
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.461.801.821.288</b>	<b>685.437.134.687</b>	<b>4.147.238.955.975</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	3.634.819.004.188	75.366.621.329	3.710.185.625.517
Chi phí phải trả	760.991.848.577	-	760.991.848.577
Các khoản vay	1.051.267.460.964	1.395.747.613.741	2.447.015.074.705
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	18.027.626.139	16.471.036.210	34.498.662.349
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.465.105.939.868</b>	<b>1.487.585.271.280</b>	<b>6.952.691.211.148</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.003.304.118.580)</b>	<b>(802.148.136.593)</b>	<b>(2.805.452.255.173)</b>
31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.597.774.161.145	-	1.597.774.161.145
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.120.439.632.261	199.209.684.765	1.319.649.317.026
Đầu tư tài chính	47.219.783.066	601.296.596.778	648.516.379.844
Các khoản ký quỹ	1.035.230.009.451	9.158.649.162	1.044.388.658.613
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.800.663.585.923</b>	<b>809.664.930.705</b>	<b>4.610.328.516.628</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	2.724.146.247.059	-	2.724.146.247.059
Chi phí phải trả	839.266.656.590	-	839.266.656.590
Các khoản vay	2.449.046.309.046	989.726.809.266	3.438.773.118.312
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	26.578.000.925	32.602.356.986	59.180.357.911
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.039.037.213.620</b>	<b>1.022.329.166.252</b>	<b>7.061.366.379.872</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.238.373.627.697)</b>	<b>(212.664.235.547)</b>	<b>(2.451.037.863.244)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu thi công các công trình xây lắp cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	6.090.125.099.056	2.473.971.988.341

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

 Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**
**MẪU SỐ B 09-DN/HN**
*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*
**37. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ ĐỐI VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>2014</u>	<u>2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	3.799.309.601	5.212.329.551

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Phải thu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	600.669.899.743	132.878.034.531
Phải thu từ các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	68.486.353.606	174.092.519.145
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	3.908.101.452.112	4.856.114.003.159
Các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ứng trước	116.399.154.802	92.347.395.650
Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.688.221.590	4.638.566.712
Phải trả các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	141.857.593.214	137.914.031.148
Ứng trước cho các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.258.904.048	354.493.668
Phải thu khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.068.154.052	2.008.154.052
Phải thu khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14.425.973.396	33.054.288.779
Phải trả khác Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	230.338.957.574	237.384.966.691
Phải trả khác các đơn vị trong Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	244.064.286.717	89.506.400.514

**Các khoản vay**

Ngân hàng TMCP Đại Dương

- Vay ngắn hạn	119.562.738.665	1.063.239.379.370
- Vay dài hạn	955.033.981.983	214.532.843.707

Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam

- Vay ngắn hạn	10.000.000	83.768.641.282
- Vay dài hạn	-	320.841.540.236



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty mẹ - Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

*Đơn vị: VND*

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh tại ngày 31/12/2014	Dư nợ vay quá hạn tại ngày 31/12/2014	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả tại ngày 31/12/2014
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	36.834.232.037
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	34.972.943.665
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	7.156.483.663
PVC-Metal	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 20/9/2012	18.418.688.119	18.418.688.119	-
PVC-IMICO	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - PGD Ngô Quyền	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 21/4/2012	99.700.000.000	99.700.000.000	-
PVC-MT	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Đà Nẵng	Từ ngày 26/6/2012 đến ngày 26/12/2012	48.563.059.336	48.563.059.336	-
PVC - KBC	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	Từ ngày 19/12/2011 đến ngày 30/6/2012	31.954.650.159	31.954.650.159	-
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 8	Từ ngày 31/5/2012 đến ngày 31/12/2012	127.726.771.148	127.726.771.148	127.726.771.148
PVC-SG	Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	-
PVC-MT	Cộng dư nợ bảo lãnh vay vốn ngắn hạn đã quá hạn		564.218.260.756	564.218.260.756	206.690.430.513
PVC-MT	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	Từ ngày 09/3/2010 đến ngày 08/3/2015	4.126.586.477	-	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>568.344.847.233</b>	<b>564.218.260.756</b>	<b>206.690.430.513</b>

Công ty mẹ - Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thu bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG (Tiếp theo)**

Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Công ty mẹ - Tổng Công ty đã thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND. Ngoài ra, các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thu bảo lãnh là khoảng 564 tỷ VND. Trong năm 2014, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá một số nghĩa vụ bảo lãnh đã có sự thay đổi. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh nêu trên với số tiền khoảng 46 tỷ VND. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh, cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải chấp các thư bảo lãnh.

**39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, dự án đang tạm dừng triển khai. Hiện tại, Tổng Công ty đang đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

12/11  
G  
1  
1  
1





## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

#### **39. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 sẽ được điều chỉnh trong tương lai. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Bắc), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây lắp khu vực miền Trung), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014; Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Giai đoạn sau năm 2015, Tổng Công ty chỉ còn 5 công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2014, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty có Quyết định số 967/QĐ-XLKD phê duyệt kế hoạch thoái vốn (bán phần vốn góp) của Tổng Công ty tại các công ty không nằm trong danh sách các công ty được phê duyệt trong phương án tái cấu trúc theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên PVN trong năm 2014 và 2015 với giá bán theo giá trị thị trường tại thời điểm bán nhưng không thấp hơn giá trị đầu tư. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện quyết định nêu trên.

# TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

## PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION (PVC)



**Địa chỉ:** Tầng 25, Tòa nhà CEO, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội  
**Tel:** (84-4) 3768 9291 / 3 / 4 / 5 \* **Fax :** (84-4) 3768 9290 / 3768 9867  
**Web:** [www.pvc.vn](http://www.pvc.vn)